

NAM KỲ LỤC TỈNH THEO DÒNG THỜI GIAN

Người Long Hồ

I

Sơ Lược Lịch Sử Mở Cõi Về Vùng Đất Phương Nam

Lịch sử Nam tiến nhằm mở đất về phương Nam của dân tộc Việt Nam luôn gắn liền với kế hoạch khẩn hoang đã có từ xa xưa khi dân tộc Lạc Việt bị những người du mục phương Bắc lấn ép từ các vùng quanh Động Đình Hồ thuộc bờ Nam sông Dương Tử đến các vùng Quảng Đông Quảng Tây... rồi lại bị ép xuống vùng Bắc Phần ngày nay. Về sau này, các thời các vua Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê cũng đặc biệt lo lắng cho cảnh đất hẹp người đông... Chính vì vậy mà ngay từ thời vua Lê Đại Hành, sau trận chinh phạt Champa, nhà vua cũng đã có ý định mở rộng bờ cõi về phương Nam. Rồi đến thời vua Lê Thánh Tôn (1460-1497), nhà vua đã nhìn thấy cảnh đất hẹp người đông của xứ Đại Việt, nên ngài đã cho thi hành kế sách thành lập những đồn điền nơi vùng biên trấn phương Nam. Chánh sách đồn điền của các vị vua thời nhà Lê đã đem đến những lợi ích thiết thực cho dân tộc Việt Nam, một là giữ được an ninh cho vùng biên thủy, hai là mở rộng bờ cõi một cách ôn hòa. Chính vua Lê Thánh Tôn đã đặt ra chức quan Thu Ngự Kinh Lược Sứ đầu tiên với nhiệm vụ chiêu tập lưu dân, gồm những người tình nguyện và những tội nhân bị lưu đày biệt xứ, cũng như những người bỏ làng để trốn lính và thuế đều được cho vào nhóm lưu dân đi khẩn đất phương Nam. Chính những quan kinh lược thời nhà Lê đã âm thầm đưa lưu dân lấn sang đất Champa, thành lập những đồn điền do quân đội trấn giữ an ninh, đã đặt các vua Chiêm Thành trước việc đã rồi, nhưng vì thời đó quân đội Champa quá yếu nên họ không làm gì được. Tuy nhiên, mãi đến đời các chúa Nguyễn, nhờ sự khôn khéo của các chúa mà công cuộc Nam Tiến đã thành công rực rỡ chỉ trong một khoảng thời gian ngắn. Thật vậy, chỉ trong vòng 137 năm kể từ khi công nữ Ngọc Vạn về làm hoàng hậu cho vua Chei Chetta II (Nặc Ong Thu II) vào năm 1620 đến năm 1757, tức là năm mà vùng đất cuối cùng của vùng Thủy Chân Lạp rơi vào tay xứ Đàng Trong để hoàn thành công cuộc Nam Tiến của dân tộc. Như vậy sau nhiều thế kỷ trải qua nhiều triều đại, đến năm 1757, cuộc Nam Tiến

coi như kết thúc, vào năm này chủ quyền vùng Nam Kỳ hoàn toàn thuộc về xứ Đàng Trong.

Tóm lại, trong quá trình dựng nước và giữ nước, cha anh chúng ta đã hy sinh quá nhiều xương máu mới để lại cho chúng ta một dãy giang sơn gấm vóc như ngày hôm nay. Tuy nhiên, trong tiến trình Nam tiến, dân tộc Việt Nam đã gặp rất nhiều thuận lợi trong việc thu phục Chiêm Thành và Chân Lạp. Biên giới phương Nam thời kỳ nhà Ngô thu hồi nền độc lập là vùng núi non tỉnh Thanh Hóa, đến năm 1069, vua Lê Đại Hành đã thu phục các vùng Hà Tĩnh, Quảng Bình và phía Bắc Quảng Trị, đến năm 1306 Đại Việt làm chủ phần đất Quảng Nam và Quảng Ngãi, năm 1402 làm chủ Qui Nhơn, năm 1471 làm chủ Phú Yên, 1611 làm chủ Khánh Hòa, 1653 làm chủ Phan Rang, 1693 làm chủ Phan Thiết, 1698 chúa Nguyễn sai Nguyễn Hữu Cảnh làm Kinh Lược xứ Nông Nại(1), và cuối cùng năm 1757, xác lập chủ quyền trên toàn cõi Nam Kỳ. Đặc biệt nhất là với chánh sách khôn khéo và mềm dẻo mà chỉ trong vòng chưa đầy một thế kỷ, các chúa tiền triều nhà Nguyễn đã thu phục toàn bộ đất Thủy Chân Lạp. Công lớn của các chúa Nguyễn là đã tiến hành một cuộc Nam Tiến mở cõi về phương Nam một cách êm thấm, không hề có đổ máu với cư dân bản địa.

Nam Kỳ Trải Qua Các Thời Đại (P-1)

Vùng đất Phương Nam chỉ thực sự được khai sinh khi dòng họ Nguyễn chính thức ly khai với vua Lê-chúa Trịnh ở xứ Đàng Ngoài bắt đầu từ năm 1600 trở về sau này khi lần cuối cùng Nguyễn Hoàng dứt khoát không trở ra Bắc để chào vua Lê nữa. Nguyễn Hoàng và những người kế nghiệp ông đã từng bước biến Thuận Quảng thành một vùng lãnh thổ độc lập về tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, và xã hội để tạo nên một Đàng Trong phân biệt với Đàng Ngoài. Đối với xứ Đàng Ngoài, về danh nghĩa, Nam Triều thuộc về vua Lê chúa Trịnh, nhưng theo quan điểm của Nguyễn Hoàng và con cháu dòng họ Nguyễn thì chúa Trịnh đã cướp công của họ Nguyễn. Vì vậy ý định phục thù vẫn luôn tồn tại trong suốt chiều dài lịch sử của chín chúa triều Nguyễn. Tuy bên trong nắm quyền cai quản xứ Thuận Quảng, nhưng bề ngoài lúc nào cũng tỏ ra mềm dẻo với vua Lê-chúa Trịnh, để dòng họ Nguyễn có đủ thời giờ gây tạo thanh thế. Đến khi đã có đủ sức mạnh trong tay, đời Nguyễn Phúc Nguyên đã cho sửa thành lũy, đặt quan ải, và công khai cải tổ chính quyền khác hẳn với Nam Triều. Đối với các lân quốc phương Nam, các chúa Nguyễn đã từng bước xâm thực như “tằm ăn dâu”, từng bước xác lập chủ quyền của mình trên những vùng đất mới, từng bước

xác lập quyền lực để hình thành xứ Đàng Trong, và kết quả là đưa đến nhiều đổi thay của lịch sử dân tộc(2).

Nói về vùng đất Nam Kỳ, tưởng cũng nên nhắc lại, trước đây là lãnh thổ của vương quốc Phù Nam và sau này thuộc Chân Lạp. Lưu dân người Việt có thể đã đến đây từ rất lâu trước khi các chúa Nguyễn chính thức thành lập bộ máy hành chính tại đây. Vùng đất phía Nam nơi mà tổ tiên chúng ta đã đặt chân đến đầu tiên có lẽ là vùng Mô Xoài-Bà Rịa, tức là vùng Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu ngày nay. Đây là vùng đất cực nam của đất nước mà triều đình xứ Đàng Trong đã thu phục được từ vương quốc Chân Lạp trong một tiến trình hết sức hòa hoãn. Cho đến ngày nay, lịch sử và cư dân cổ của vùng đất mà bây giờ chúng ta gọi là Nam Phần Việt Nam hãy còn nhiều bí ẩn tiềm tàng dưới lòng đất, và hãy còn đang chờ đợi các nhà khảo cổ đưa ra ánh sáng. Danh xưng Nam Kỳ do vua Minh Mạng đặt ra vào năm 1834 sau khi ông cho bãi bỏ Gia Định Thành. Dưới thời Pháp thuộc, họ vẫn sử dụng danh xưng Nam Kỳ Thuộc Địa. Tuy nhiên, đến tháng 3 năm 1945, vì muốn xóa bỏ danh xưng của người Pháp nên Thống Sứ Nhật là Nishimura đã ký sắc lệnh đổi “Nam Kỳ” ra “Nam Bộ”. Sau năm 1945, chính quyền Việt Minh lên cầm quyền, họ vẫn dùng danh xưng đã thay đổi từ thời Nhật chiếm đóng để gọi tên các vùng là “bộ” như Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Sau năm 1954, miền Nam theo chánh thể Cộng Hòa, chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa gọi miền Trung là Trung Phần, và miền Nam là Nam Phần. Nói về lịch sử của vùng đất này thì vương quốc Phù Nam đã bị Chân Lạp triệt tiêu từ thế kỷ thứ 7, nhưng mãi đến cuối thế kỷ thứ 17, triều đình Chân Lạp vẫn chưa thiết lập và chưa hề có ý định thiết lập các cơ quan hành chánh hay đồn binh để bảo vệ đất đai và dân chúng trên vùng đất Thủy Chân Lạp. Khi những lưu dân Việt Nam đầu tiên đến đây thì toàn bộ vùng đất này hãy còn chìm trong hoang vu(3) với những cánh rừng ngập mặn, không có thôn ấp, không có làng xã, cũng không có chợ búa.

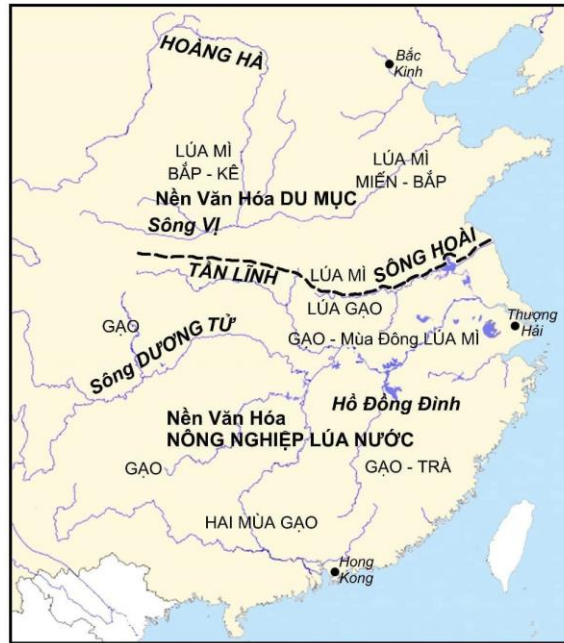
Chú Thích:

(1) Năm Mậu Dần 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống Suất Chương Cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất này, lấy đất Nông Nại lập ra phủ Gia Định, lấy xứ Sài Gòn đặt làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng nên dinh Trấn Biên, đặc các chức giám quân, cai bạ và ký lục. Kể từ đó đất Gia Định được chính thức khai sanh vì đây là lần đầu tiên trong lịch sử của vùng đất này, Gia Định được ghi danh vào sổ bộ của xứ Đàng Trong. Lúc đó xứ Gia Định được chia làm 3 dinh: Phiên Trấn, Trấn Biên và Long Hồ. Theo thống kê của quan Thống Suất Chương Cơ Nguyễn Hữu Cảnh thì vào năm 1698, phủ Gia Định bao gồm toàn thể miền đất Nam Kỳ, nếu không kể những vùng chưa được sáp nhập vào xứ Đàng Trong, thì diện tích của Gia Định thời đó khoảng 30.000 cây số vuông. Phủ Gia Định tồn tại đến năm

1802, tức là năm Gia Long lên ngôi, thì nhà vua đổi ra làm trấn Gia Định. Năm 1808, vua Gia Long lại đổi trấn Gia Định ra làm thành Gia Định, bao gồm 5 trấn: Phiên An (Gia Định), Biên Hòa (Đồng Nai), Vĩnh Tường (Định Tường), Vĩnh Thanh (Vĩnh Long và An Giang), và Hà Tiên. Đến năm 1834, vua Minh Mạng chia toàn vùng Nam Kỳ ra làm 6 tỉnh trực thuộc triều đình Huế, đó là Biên Hòa, Phiên An (sau đổi ra tỉnh Gia Định vào năm 1836), Định Tường, Vĩnh Long, An Giang (gồm An Giang và Châu Đốc, lý sở được đặt tại thành Châu Đốc), và Hà Tiên. Tuy nhiên, không phải đợi đến thời điểm 1698, mới có dấu chân người Việt trên vùng đất Nông Nại, mà Việt tộc đã đến đây từ sau những năm 43 sau tây lịch. Theo Phạm Trần Anh trong “Nguồn Gốc Việt Tộc”, NXB Việt Nam, California, USA, 2007, tr. 443, Hán sử chép rằng nước Phù Nam thành lập vào đầu kỷ nguyên Dương lịch, thời kỳ này tương ứng với thời điểm khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, nên sau khi Hai Bà thất bại, các Lạc Hầu Lạc Tướng, cũng như các thủ lĩnh đã chạy xuống phương Nam hội nhập với cư dân tại đây góp phần xây dựng vương quốc Phù Nam.

(2) Theo Viện Khoa Học Xã Hội trong “Nam Bộ Nhìn Về Lịch Sử Nhìn Vào Hiện Tại Nhìn Ra Khu Vực”, Hà Nội: NXB Từ Điển Bách Khoa, 2009, tr. 330-341.

(3) Theo các nhà truyền giáo và thương nhân Bồ Đào Nha thì dân số vương quốc trên toàn cõi Chân Lạp vào giữa thế kỷ thứ 16, bao gồm vùng Chân Lạp bây giờ, vùng Nam Phần và một phần của Nam Lào, chỉ có khoảng chừng 700.000 người. Trong khi đó dân số của xứ Đàng Trong với diện tích chỉ bằng nước Cao Miên ngày nay mà dân số đã trên một triệu người, mà lúc nào Việt Nam cũng chịu áp lực nặng nề của Bắc phương, nên con đường duy nhất để tự tồn của dân tộc Việt Nam là phải tìm cách đi về phương Nam. Đây cũng là một trong những lý do chính cho cuộc Nam Tiến. Khoảng trên hai thế kỷ sau, khi vua Minh Mạng sáp nhập Chân Lạp vào Việt Nam vào năm 1836 thành Trấn Tây Thành, thì dân số chỉ vào khoảng 970 ngàn người, trong khi đó dân số Việt Nam (từ Bắc chí Nam) đã lên đến gần 10 triệu người, nghĩa là gấp hơn 10 lần dân số Trấn Tây Thành.



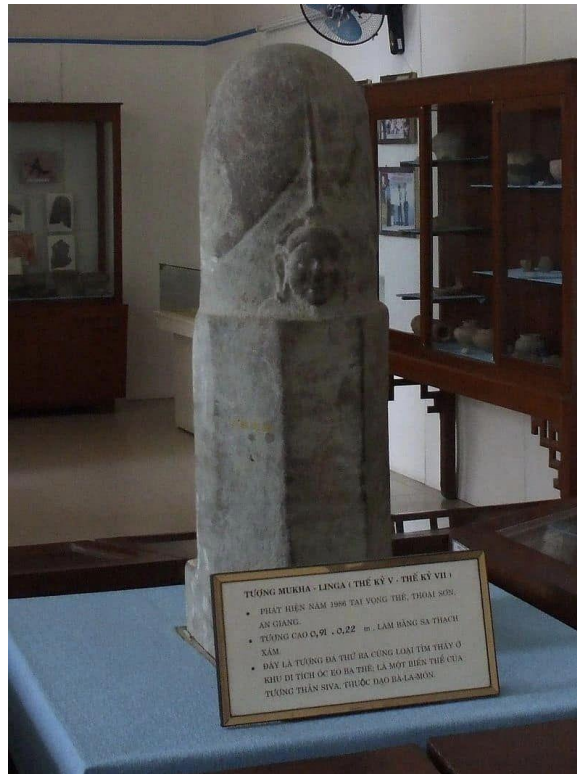
Hình 1: Bản đồ hai vùng Nam & Bắc Trung Hoa, với đường ranh giới thiên nhiên của Sông Hoài và Tần Lĩnh. Theo những sách vở Trung Hoa thời Chu, cách đây 3000 năm, đã ghi nhận con cháu Nhà Hạ không phải người trung Hoa, và cũng không ở vùng Hoàng Hà. Họ là những dân nước hùng mạnh ở hai bên bờ sông Dương Tử, nơi có Hồ Động Đình, đó là Việt Tộc, ảnh internet (Google).



Hình 4: Sơ đồ Vương Quốc Phù Nam trước thế kỷ thứ VI, Phù Nam (Funan) là tên gọi được đặt cho một quốc gia cổ trong lịch sử Đông Nam Á, xuất hiện khoảng thế kỷ thứ I trước Tây Lịch, ở vùng hạ lưu và châu thổ sông Cửu Long. Theo nhiều thư tịch cổ Trung Hoa, trong thời kỳ hưng thịnh, vương quốc này về phía Đông, đã kiểm soát cả vùng đất phía Nam Trung Phần (Việt Nam), về phía Tây đến Thung lũng sông Mê Nam (Thái Lan), về phía Nam đến phần phía Bắc bán đảo Mã Lai. Đến khoảng nửa đầu thế kỷ VII (sau năm 627), rất có thể do một cơn địa chấn do biển tiến, vương quốc này biến mất, đất đai sau đó bị sáp nhập vào lãnh thổ của Chân Lạp (Kampuchia ngày nay). Mãi đến cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, một phần lãnh thổ xưa kia được coi là trung tâm của Phù Nam, được các vua Chân Lạp lần lượt hiến cho các Chúa Nguyễn ở Xứ Đàng Trong, trở thành lãnh thổ Việt Nam, vùng Nam Phần ngày nay, theo internet (Google).



Hình 5: Vương Quốc Phù Nam trước thế kỷ thứ VI trên bản đồ thế giới.
Bản đồ Đông Bán Cầu năm 600 sau Tây Lịch, do Thomas Lesman vẽ năm 2008, theo Bản Đồ Lịch Sử Thế Giới, 2008.



Hình 6: Linga được khai quật tại di chỉ Ốc Eo, theo Bảo tàng An Giang.
 Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



Hình 7: Tượng Phật bốn tay và tấm bia đá cổ thời Phù Nam, hiện ở chùa Linh Sơn (trong vùng núi Ba Thê). Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



Hình 8: Đồ trang sức của cư dân Phù Nam. Từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ VI. Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



Hình 9: Bia đá cổ được tạo tác vào thời Phù Nam (khoảng thế kỷ II-III), được tìm thấy ở Đồng Tháp. Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



Hình 10: Một trong hai tấm bia đá cổ ở chùa Linh Sơn (trong vùng núi Ba Thê), có khắc chữ viết của người Phù Nam. Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



Hình 11: Nơi trưng bày di chỉ Phù Nam tại Gò Cây Thị (trong vùng núi Ba Thê). Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



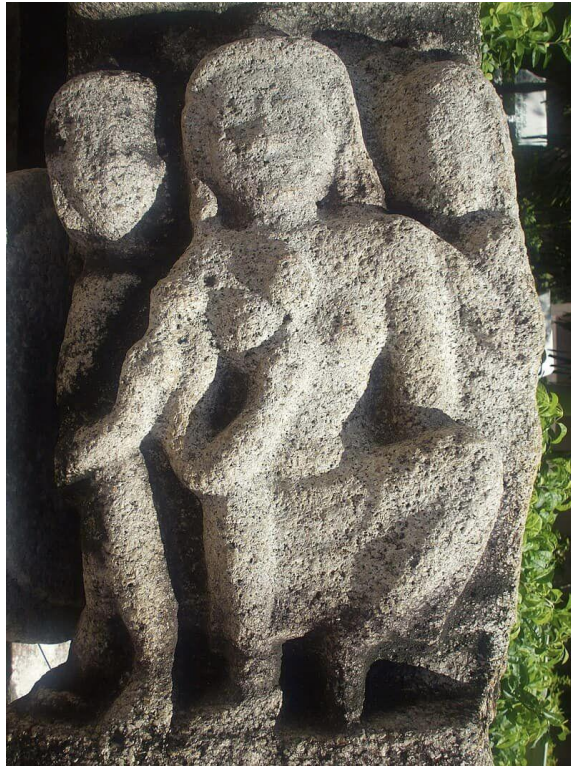
Hình 12: Một hố khai quật khảo cổ trong khu di tích Nam Linh Sơn, nằm cách chùa Linh Sơn (Ba Thê). Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



Hình 13: Vật dụng sinh hoạt của cư dân Phù Nam từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ VI. Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



Hình 14: Bộ cọc gỗ nhà sàn của cư dân Phù Nam (Bảo Tàng An Giang).
Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



Hình 15: Tượng vũ nữ bằng đá thời Phù Nam, hiện đang trưng bày tại Bảo tàng An Giang. Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



Hình 16: Tượng Phật gỗ thời Phù Nam (Bảo tàng An Giang). Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



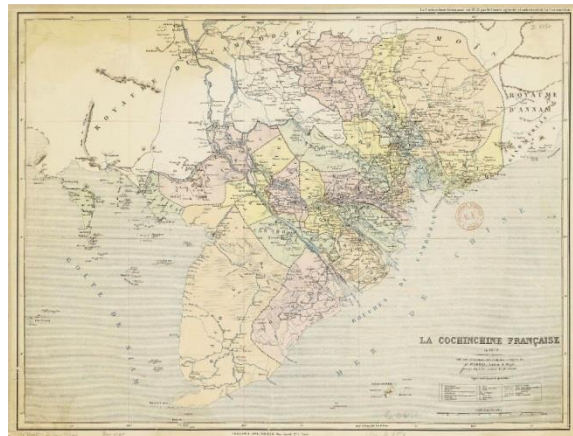
Hình 17: Phòng trưng bày vương quốc Phù Nam và văn hóa Óc Eo tại Bảo tàng Sài Gòn. Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



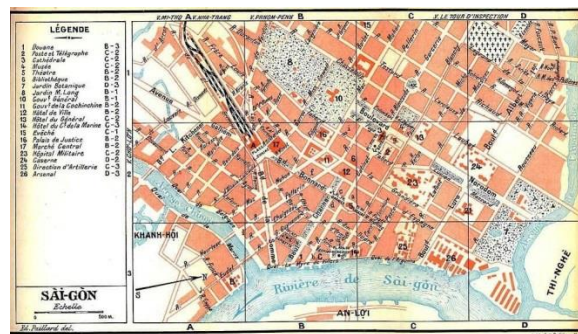
Hình 18: Các bình gốm cổ tại di chỉ Óc Eo Gò Thành (Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long). Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



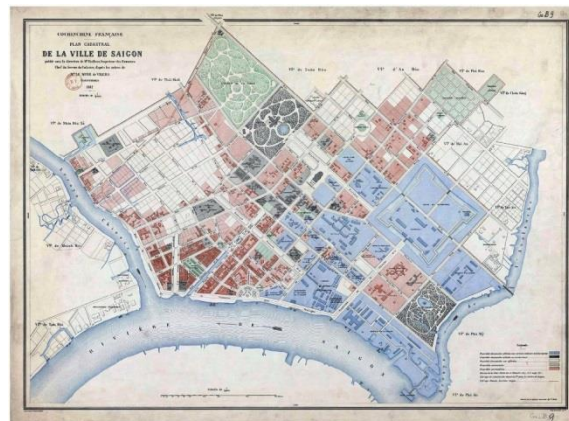
Hình 19: Tiền Phù Nam và tiền Pegu tìm thấy tại Ba Thê, giống như những đồng tiền mà nhà khảo cổ học Louis Malleret đã khai quật tại Óc Eo trước năm 1945 (Bảo tàng An Giang). Đây là một trong những di chỉ thuộc vương quốc Phù Nam xưa, hình chụp 2015.



Hình 22: Bản đồ hành chính Nam Kỳ thuộc Pháp, theo Công Báo Nam Kỳ 1878 (Bulletin Administratif de Cochinchine Française, 1878).



Hình 23: Bản đồ Sài Gòn (Saigon 1928), theo Công Báo Nam Kỳ 1928 (Bulletin Administratif de Cochinchine Française, 1928).



Hình 24: Bản đồ địa bạ Sài Gòn 1882, theo Công Báo Nam Kỳ 1882

(Bulletin Administratif de Cochinchine Francaise, 1882).



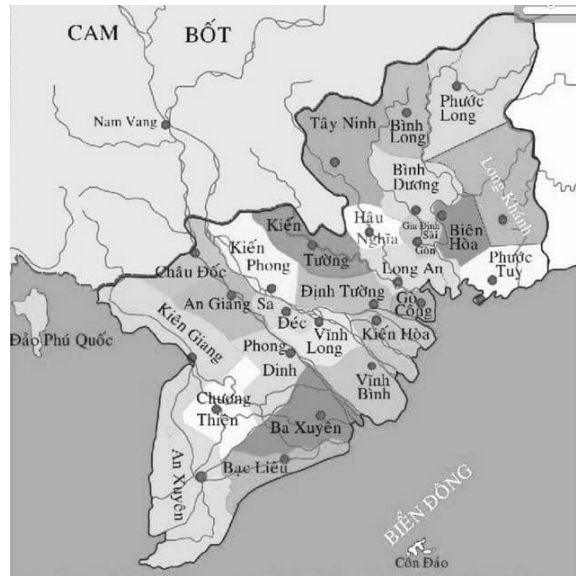
Hình 25: Sài Gòn có thể chỉ những cây bông gạo (bông gòn) mọc đầy khắp vùng đất mang tên Prey Nokor, sau này là thành phố Sài Gòn, ảnh internet (Google)



Hình 26: Đường xe lửa Sài Gòn – Gò Vấp năm 1910, theo Công Báo Nam Kỳ 1910 (Bulletin Administratif de Cochinchine Francaise, 1910).



Hình 27: Trung tâm của Sài Gòn năm 1900, theo Công Báo Nam Kỳ 1900 (Bulletin Administratif de Cochinchine Française, 1900).



Hình 28: Bản đồ Nam Kỳ thời VNCH (1954-1975), ảnh internet (Google).

II

Nam Kỳ Qua Các Thời Đại (P-2)

Khi nói đến Nam Kỳ Lục Tỉnh mà không nói đến công nữ Ngọc Vạn là một sự vong ân bội nghĩa không thể chấp nhận được. Trước khi công nữ Ngọc Vạn được gả về cho Miên vương Chey Chetta II thì vùng đất này chỉ có những lưu dân mạo hiểm người Việt từ các vùng Thuận Hóa vào đây tìm sinh lộ một cách lẻ tẻ, hoặc giả có một số tù phạm vượt thoát vào đây, và đây chỉ là những người đi tiên phong trong cuộc mạo hiểm của chính họ, chứ chưa có quốc sách nào về vùng đất Thủy Chân Lạp này. Thật tình mà nói, việc công nữ Ngọc Vạn theo chồng về Cao Miên có thể được xem như là một bước ngoặt lớn đối với tiến trình Nam Tiến của dân tộc Việt Nam, vì kể từ đó về sau này, cả vùng đất bao la bạt ngàn này tuần tự rơi vào tay của xứ Đàng Trong mà các chúa không phải tốn nhiều xương máu của dân tộc Việt Nam. Sau cuộc hôn nhân ấy thì các chúa Nguyễn luôn sẵn sàng giúp đỡ về mặt quân sự để cho các vua Miên bảo vệ vương quốc của họ khỏi sự xâm lăng của người Thái. Chúng ta thấy rõ cứ mỗi lần các chúa tiến quân lên Miên giúp họ chống lại Xiêm La là mỗi lần các vua Miên nhường lại cho triều đình nhà Nguyễn một vùng đất hoang vu nào đó trên vùng Thủy Chân Lạp để đền ơn đáp nghĩa. Thật ra cả vùng Thủy Chân Lạp chỉ thuộc về Chân Lạp trên danh nghĩa mà thôi, chứ trong thực tế mãi đến khi những lưu dân người Việt đến đây thì hầu như không có người Khmer nào cư trú trên vùng đất này. Kỳ thật, sau khi thấy những lưu dân người Việt đổ xô đến đây, người Khmer cũng theo chân những lưu dân ấy đến đây tìm đất sống. Tuy nhiên, họ chỉ sinh sống trên những giồng đất cao mà thôi, chứ không chịu khai khẩn những vùng đất trũng thấp như người Việt. Năm 1708, Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên, chúa Nguyễn chỉ nhận trên danh nghĩa, nhưng vẫn để cho dòng họ Mạc trấn giữ đất Hà Tiên. Khoảng những năm từ năm 1732 đến năm 1735, quân Cao Miên tấn công vào người Việt Nam tại vùng Mô Xoài Bà Rịa nên mùa Đông năm 1735, đời Lê Cảnh Hưng thứ 14, triều đình xứ Đàng Trong sai Cai Đội Thiện Chánh Hầu làm Thống Suất, Ký Lục Nghi Biểu Hầu Nguyễn Cư Trinh làm Tham Mưu điều khiển tướng sĩ 5 dinh Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ đi kinh lược đất Cao Miên, quan quân đồn trú ở xứ Bến Nghé, lập nên dinh trại, gọi tên là Đồn Dinh (nay là chợ Điều Khiển), lo luyện tập binh sĩ tính kế mở mang vùng biên địa. Năm 1753, nhân cơ hội vua Chân Lạp là Nặc Ong Nguyên lần hiếp người Côn Man, chúa Nguyễn bèn sai Nguyễn Cư Trinh lo dàn xếp và lãnh lệnh chúa

Nguyễn ở lại tiếp tục khai khẩn đất hoang và lập khu dinh điền mới. Năm 1754, quân Gia Định chia làm hai đạo, Nghi Biểu Hầu đem kỵ binh từ sông Bát Đông tiến phát, quân Nam đi đến đầu quân Chân Lạp thua đến đó. Sau đó quân của Nghi Biểu Hầu hợp cùng với binh của Thiện Chánh Hầu tại vùng Tiền Giang. Năm 1755, tại vùng Gia Định các ông Trịnh Hoài Đức, Ngô nhơn Tịnh và Lê quang Định cũng lập ra thi xã, thấp sáng ngọn đuốc văn hiến nơi góc trời cực Nam của tổ quốc. Năm 1756, vua Chân Lạp là Nặc Ong Nguyên xin nhượng hai phủ Tầm Bôn và Lôi Lạp cho xứ Đàng Trong để tạ tội, đồng thời xin cống nạp lễ vật còn thiếu ba năm trước đó. Từ đó coi như phần lớn đất đai của xứ Thủy Chân Lạp đã nằm dưới sự kiểm soát của Việt Nam. Trong khi đó Mạc Cửu và con là Mạc Thiên Tứ tiếp tục khai khẩn những vùng Hà Tiên, Phú Quốc, Long Xuyên (Cà Mau), Rạch Giá, Trần Giang (Cần Thơ) và Trần Di (Sóc Trăng và Bạc Liêu). Năm 1757, Nặc Ong nguyên băng hà, chú của Nặc Nguyên là Nặc Ong Nhuận dâng thêm các phủ Trà Vang và Ba Thắc để được chúa Nguyễn phê chuẩn cho lên ngôi. Ngay sau đó rể của Nặc Nhuận là Nặc Hinh giết cha vợ rồi cướp ngôi, nhưng rồi Nặc Hinh lại bị quan Ốc Nha Uông giết chết. Cùng năm đó, con của Nặc Nhuận là Nặc Tôn dâng luôn vùng đất còn lại là vùng Tầm Phong Long để cầu cứu với Mạc Thiên Tứ dâng sớ lên chúa Nguyễn sắc phong cho ông làm vua Cao Miên. Sau đó Nặc Tôn lại dâng thêm 5 phủ Sài Mạc, Vũng Thơm, Cần Bột, Chân Sâm, và Linh Quỳnh cho xứ Đàng Trong.

Đến năm 1757, nền hành chánh của xứ Đàng Trong được coi như khá hoàn chỉnh. Riêng vùng Hà Tiên vẫn để cho con của Mạc Cửu là Mạc Thiên Tích làm quan Đô Đốc cai trị. Toàn xứ Đàng Trong chia ra làm 12 dinh, mỗi dinh đều có quan Trấn Thủ cai trị: Chính Dinh (Phú Xuân), Cựu Dinh (Ái Tử), Quảng Bình Dinh, Vũ Xá Dinh, Bồ Chính Dinh, Quảng Nam Dinh, Phú Yên Dinh, Bình Khang Dinh, Bình Thuận Dinh, Trấn Biên Dinh, Phiên Trấn Dinh, và Long Hồ Dinh. Tầm Phong Long là vùng đất cuối cùng sáp nhập vào xứ Đàng Trong. Đây là vùng đất mà ngày nay bao gồm các vùng Sa Đéc, Cao Lãnh, An Giang, Châu Đốc và một phần của Rạch Giá. Ngày đó quan Kinh Lược Nguyễn Cư Trinh cho lập đồn dọc theo sông Cửu Long, gần biên giới để bảo vệ an ninh cho cư dân miền Nam. Sau khi tiếp nhận vùng đất Tầm Phong Long, chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát bèn lấy thêm vùng đất về phía nam của trấn Hà Tiên để thành lập 5 đạo. Trong đó Tân Châu, Châu Đốc và Đông Khẩu trực thuộc quyền cai quản của quan Lưu Thủ dinh Long Hồ về mặt quân sự và hành chánh. Trong khi Kiên Giang và Cà Mau (Long Xuyên cũ) trực thuộc Trấn Hà Tiên về quân sự, nhưng vẫn trực thuộc dinh Long Hồ về mặt hành chánh. Năm đạo ấy bao gồm:

Đông Khẩu Đạo (tức vùng Sa Đéc ngày nay), Tân Châu Đạo (tức vùng cũ lao Giềng ngày nay), Châu Đốc Đạo, Kiên Giang Đạo, và Long Xuyên Đạo (tức vùng Cà Mau ngày nay). Như vậy đến cuối đời chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, tất cả miền Nam ngày nay đã thực sự thành hình. Vì vị trí chiến lược quan trọng của dinh Long Hồ về các mặt quân sự, kinh tế, và văn hóa nên quan Kinh Lược Nguyễn Cư Trinh đã cho dời lỵ sở của dinh qua xứ Tầm Bào.

Năm 1765, lộng thần Trương Phúc Loan hủy bỏ sắc chỉ di chiếu của Võ Vương, nên thay vì lập con thứ 2 lên nối nghiệp chúa thì Trương Phúc Loan cho lập con thứ 16 của Võ Vương mới 12 tuổi lên làm chúa Định Vương. Định Vương bị quân Tây Sơn đánh đuổi phải chạy vào Gia Định, sau đó cả Định Vương lẫn Hoàng Thân Dương đều bị đại quân Tây Sơn bắt sống và giết chết.

Năm 1776, Nguyễn Ánh bị đại quân Tây Sơn truy đuổi ráo riết nên phải lê gót trốn tránh khắp miền Nam. Thời này Nguyễn Ánh thường dùng đất Ba Giồng, thuộc Mỹ Tho ngày nay, làm căn cứ địa. Ba Giồng là một vùng đất rộng lớn từ Rạch Gầm (Mỹ Tho) tới Giồng Cái Én (Tân An). Nguyễn Ánh đã chiêu dụ chủ tướng quân Đông Sơn là Nguyễn Thành Nhơn nhằm tăng cường lực lượng tiến chiếm Sài Gòn. Trong thời bôn tẩu lẩn trốn nghĩa binh Tây Sơn, Nguyễn Ánh đã nhiều lần lui tới đất Hà Tiên từ các vùng Hà Tiên, Phú Quốc, Cà Mau, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cần Thơ. Tính từ năm 1776 đến năm 1782, Nguyễn Ánh đã hai lần kéo quân về đánh Sài Gòn nhưng đều thất bại.

Năm 1783, một lần nữa Nguyễn Ánh lại bị Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đánh cho một trận tan tác tại Sài Gòn. Sau đó Nguyễn Ánh kéo tàn quân chưa tới 100 người chạy về Ba Giồng lần nữa.

Năm 1784, Nguyễn Ánh qua Xiêm cầu cứu với Xiêm Vương rước về hai tên tướng giặc là Chiêu Tăng và Chiêu Sương với trên 2 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền dày xéo cả vùng Nam Kỳ, nhưng lại bị quân của Nguyễn Huệ đánh tan tại Rạch Gầm Xoài Mút. Năm 1785, Nguyễn Ánh lại qua cầu viện với Xiêm vương lần nữa nhưng thất bại. Nghĩa là trong vòng 12 năm từ năm 1776 đến năm 1788, quân Tây Sơn làm chủ thành Gia Định, nhưng một mặt lúc nào Nguyễn Ánh cũng kéo quân về quấy phá, mặt khác ở phương Bắc quân Thanh đang đánh phá khắp nơi nên Tây Sơn không có thì giờ chinh đốn việc hành chánh ở Gia Định Thành.

Mãi đến năm 1788, nhân lúc Nguyễn Huệ và đại quân Tây Sơn đang ráo riết đánh giặc Thanh ở phương Bắc, Nguyễn Ánh kéo quân về đánh chiếm thành Gia Định và chia đất Nam Kỳ ra làm 4 dinh và 1 trấn: Trấn

Biên Dinh (Biên Hòa), Phiên Trấn Dinh (Gia Định), Trấn Định Dinh (Định Tường), Trấn Vĩnh Dinh (Vĩnh Long), và Hà Tiên Trấn.

Trước năm 1834, Nam Kỳ gồm 5 trấn: Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên. Đến năm 1834, vua Minh Mạng bãi bỏ Gia Định Thành và chia vùng đất miền Nam ra làm 6 tỉnh:

- 1) Biên Hòa (Đồng Nai), ly sở được đặt tại thành Biên Hòa.
- 2) Gia Định (Phiên An), ly sở được đặt tại thành Sài Gòn.
- 3) Định Tường (Mỹ Tho), ly sở được đặt tại thành Mỹ Tho.
- 4) Vĩnh Long (Long Hồ), ly sở được đặt tại thành Vĩnh Long.
- 5) An Giang (Long Xuyên và Châu Đốc), ly sở được đặt tại thành Châu Đốc.
- 6) Hà Tiên, ly sở được đặt tại thành Hà Tiên.

Lệnh thành lập sở địa bạ cho toàn quốc đã có từ thời Gia Long, nhưng mãi tới năm 1836 toàn vùng đất phương Nam có ít nơi chia thành mẫu sào, mà chỉ tính theo từng dây đất hay từng thửa đất mà thôi. Chính vì thế mà vua Minh Mạng xuống chiếu sai quan Kinh lược Đại thần đến từng nơi trong vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh để khám xét, đo đạc từng khoảnh, từng thửa và chia ruộng đất thành đẳng hạng rồi giao cho dân sở tại lập thành địa bạ⁽⁴⁾. Năm 1847, dưới Triều Tự Đức, Nam Kỳ được chia làm 3 quận, mỗi quận nhà vua bổ nhiệm một quan Tổng Đốc cai trị.

- 1) Quận Định Biên gồm tỉnh Gia Định và tỉnh Biên Hòa.
- 2) Quận Long Tường gồm tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Định Tường.
- 3) Quận An Hà gồm tỉnh An Giang và tỉnh Hà Tiên.

Tổng đốc Định Biên một viên, trụ sở tại phủ Bình Tân, thuộc Gia Định; Tổng đốc Long Tường một viên, trụ sở tại phủ Định Viễn, thuộc Vĩnh Long; Tổng đốc An Hà một viên, trụ sở tại phủ Tuy Biên, thuộc An Giang. Lúc này Quận Long Tường gồm tỉnh Định Tường, thuộc đó có 2 phủ, chia làm 4 huyện: Phủ Kiến An gồm huyện Kiến Hưng và huyện Kiến Hòa. Phủ Kiến Tường gồm huyện Kiến Phong và huyện Kiến Đăng. Tỉnh Vĩnh Long có 4 phủ, gồm 8 huyện. Phủ Định Viễn có huyện Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Trị. Phủ Hoằng An gồm huyện Tân Minh và huyện Duy Minh. Phủ Hoằng Trị gồm huyện Bảo An và Bảo Trị (Bến Tre ngày nay). Phủ Lạc Hóa gồm huyện Thuận Nghĩa và huyện Trà Vinh.

Chú Thích:

(4) Theo Quốc Sử Quán Triều Nguyễn trong “Minh Mệnh Chính Yếu Tập II, Bình Thuận: NXB Thuận Hóa 1994, tr. 70, vua Minh Mạng xuống chiếu sai quan Kinh lược Đại thần đến từng nơi trong vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh để lập thành sổ địa bạ như sau: “Trẫm thuận cho làm như điều đã bàn định. Nghĩ đến nhân chính, bắt đầu từ việc định rõ giới hạn của ruộng đất. Bờ cõi ruộng đất đã đúng, về sau mới truyền nói lâu dài và ngăn được mỗi tệ tranh giành. Hạ lệnh

các thôn xã lấy điền bộ mới đo đạc làm chuẩn đích để lập giới hạn, hoặc dùng cọc gỗ, hoặc dùng trụ đá mà tiêu chí rõ ràng. Khiến mọi người tuân theo, không được thay đổi chút đỉnh. Bờ cõi ruộng đã định rồi, nhưng còn nhiều đất hoang có thể cày cấy, vậy phải chuyên cần khuyến dân khai khẩn càng ngày càng rộng, để dân có đủ lương thực. Truyền lệnh các thần ở Nam Kỳ sức cho các phủ huyện khuyến dân trong hạt, khai khẩn cho kỳ hết ruộng đất bỏ hoang. Cuối năm phải trình báo số ruộng đất cày cấy tăng hay giảm, lập sách để tâu lên.”



Hình 1: Hoạ ảnh Công Nữ Ngọc Vạn lúc được gả cho vua Cao Miên. Phải thật tình mà nói, công cuộc Nam tiến của các chúa Nguyễn thật sự khởi đầu từ những năm 1620 thời Chúa Nguyễn Phước

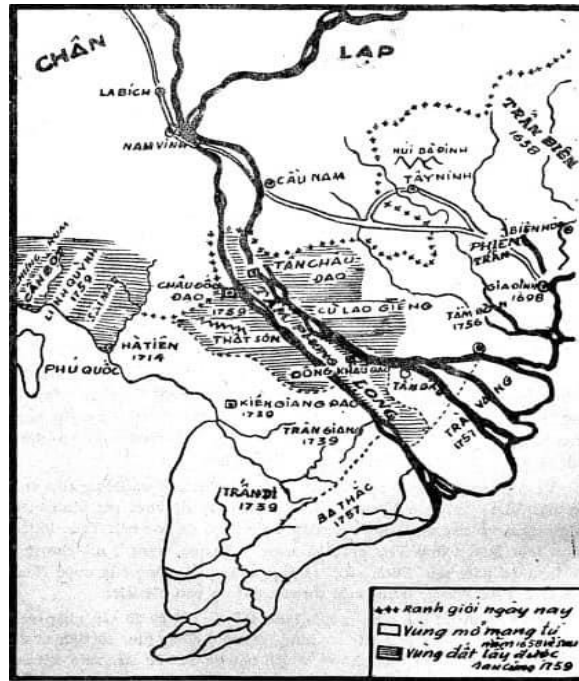
Nguyên đến những năm 1770 của thế kỷ XVIII bằng nhiều phương cách khác nhau, trong đó có sự góp phần rất lớn của cuộc hôn nhân giữa công nữ Ngọc Vạn, con gái chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên, với quốc vương Chân Lạp Chey Chetta II. Sự việc công nữ Ngọc Vạn về làm dâu xứ Chân Lạp cũng như vai trò của bà trong việc khai khẩn vùng đất Gia Định-Đồng Nai, đã tạo điều kiện để chúa Nguyễn thu nhận vùng đất này về với Đại Việt về sau này đã không được sử nhà Nguyễn nói đến. Rất có thể các sử gia nhà Nguyễn cho là việc này không tốt đẹp gì nên không đề cập gì đến (?). Tuy nhiên, trong lịch sử Việt Nam, việc này không phải là duy nhất, mà đã nhiều lần xảy ra, chẳng hạn như dưới thời nhà Lý, các nàng công chúa đã được gả cho các tù trưởng của các bộ lạc miền thượng du Bắc Việt, các bộ lạc ấy là những giống dân rất khó kiềm chế. Nhờ đó mà các vùng ấy được yên ổn, dân Thượng không xuống cướp phá dân ta, triều đình thu được thuế má, cống phẩm; đất đai ấy, và quan trọng nhất là những bộ lạc này đã trở nên những phen giậu phòng thủ rất kiên cố ở vùng biên giới giữa Trung Hoa và Việt Nam. Đến đời Trần, chính nhờ công chúa Huyền Trân mà Đại Việt chúng ta có thêm hai châu Ô-Lý để làm bàn đạp mà tiến đến Bình Thuận về sau này. Sách sử thời nhà Nguyễn không ghi chép gì, nhưng theo các sách sử Cao Miên do những học giả người Pháp biên soạn dựa theo sử liệu Cao Miên, thì quả đúng là vua Cao Miên Chey Chetta II có cưới một công nữ con chúa Nguyễn vào năm 1620. Giáo sĩ Borri ở Đàng Trong trong thời gian ấy cũng có viết về cuộc hôn nhân này.



Hình 2: Khu di tích lăng Mạc Cửu tại Kiên Giang, ảnh 2015.



Hình 3: Lăng Mạc Cửu tại thị xã Hà Tiên, Kiên Giang, ảnh 2015.



Hình 4: Lược đồ vùng đất Tầm Phong Long. Tầm Phong Long xưa là vùng đất rộng lớn chạy dài từ An Giang, Sa Đéc, Vĩnh Long, và xuống gần tới vùng Sóc Trăng. Chiều ngang từ Kiên Giang tận vùng Long An, và phần phía dưới từ Cần Thơ đến Sóc Trăng và Vĩnh Long. Trên lược đồ vùng đất Tầm Phong Long có hình thể như một tam giác ngược với cạnh đáy là đường biên giới Việt Nam-Campuchia ngày nay và hai cạnh bên từ hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp kéo dài đến đỉnh bên dưới là vùng tiếp giáp giữa Vĩnh Long với Trà Vinh, nguồn internet (Google).



Hình 5: Bản đồ 5 Phủ Không Còn Tên Trên Bản Đồ VN: Hương Úc (Kompong Som), Cần Bột (Kampot), Trục Sâm (Chung Rùm), Sài Mạt (Cheal Meas) và Linh Quỳnh (vùng duyên hải từ xã Sré Ambel đến làng Peam). Tương cũng nên nhắc lại, năm 1735, Mạc Cửu mất, con trưởng là Mạc Sĩ Lân, sau đổi thành Mạc Thiên Tứ, được phong làm đô đốc, kẻ nghiệp cha cai trị Trấn Hà Tiên. Gia

đình họ Mạc được Ninh vương Nguyễn Phúc Trú nâng lên hàng vương tôn. Năm 1739, Mạc Thiên Tứ lập thêm bốn huyện: Long Xuyên (Cà Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (Cần Thơ) và Trấn Di (bắc Bạc Liêu). Năm 1756, Nặc Nguyên nhờ Mạc Thiên Tứ dâng chúa Nguyễn lãnh thổ hai phủ Tầm Bôn (Cần Thơ) và Lôi Lạp (Long Xuyên) để được về Nam Vang cai trị. Năm 1757, chúa Nguyễn đưa Nặc Tôn (Ang Ton II) về Nam Vang lên ngôi vua Chân Lạp, nên được Nặc Tôn hiến thêm vùng đất Tầm Phong Long (Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc, và một phần của Sóc Trăng ngày nay). Sau đó, vua Nặc Tôn lại hiến thêm Mạc Thiên Tứ lãnh thổ 5 phủ miền Đông-Nam Chân Lạp: Hương Úc (Kompong Som), Cần Bột (Kampot), Trục Sâm (Chung Rùm), Sài Mạt (Cheal Meas) và Linh Quỳnh (vùng duyên hải từ xã Sré Ambel đến làng Peam), nói chung là toàn bộ vùng biên ven duyên quanh đảo Phú Quốc, Mạc Thiên Tứ dâng hết lên cho Võ vương Nguyễn Phúc Khoát. Võ vương cho sát nhập tất cả các vùng đất mới vào trấn Hà Tiên, và giao cho Mạc Thiên Tứ cai quản, nguồn internet (Google).



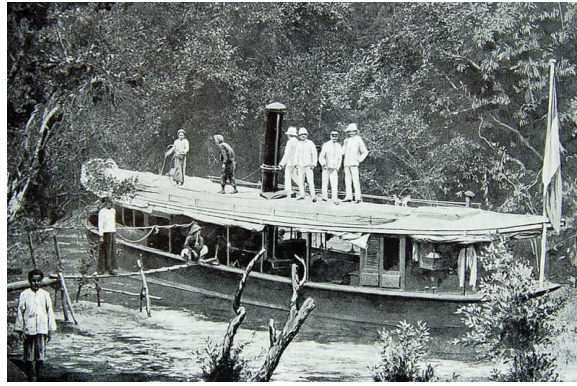
Hình 6: Miếu Công Thần thờ Nguyễn Cư Trinh ở tỉnh Vĩnh Long. Theo Liệt Truyện Tiền Biên, Nguyễn Cư Trinh (1716-1767) chẳng những có tài văn chương mà còn giỏi dùng binh, mưu lược, lại liêm chính, khí phách hiên ngang. Với chính sách “tâm thực” vô cùng khéo léo, vị công thần này có công lớn trong việc mở cõi miền Tây Nam Phần, hoàn tất chính sách mở rộng lãnh thổ của chúa Nguyễn về Đất Phương Nam, ảnh Lê Ngọc Sương 2023.



Hình 7: Tranh minh họa Nguyễn Cư Trinh, một trong những hào kiệt xuất sắc có công rất lớn đối với vùng Đất Phương Nam. Ông là một danh nhân hiếm hoi với văn võ song toàn, vừa có tài cầm quân đánh dẹp và ổn định biên cương, mà cũng vừa giỏi kinh bang tế thế. Ông đã góp phần không nhỏ trong việc định hình hành chánh của vùng Đất Phương Nam, lập nên nền móng cai trị vững chắc, làm cho vùng đất Phương Nam buổi đầu vốn trù phú nhưng vô cùng phức tạp sớm được sáp nhập vào lãnh thổ Xứ Đàng Trong một cách hưng thịnh và trường tồn, nguồn internet (Google).



Hình 8: Mộ Nghi Biểu hầu Nguyễn Cư Trinh Xã Lộc Sơn, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, ảnh internet (Google).



Hình 9



Hình 10



Hình 11



Hình 12

****Hình 9-10-11-12: Theo Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên, vào giữa thế kỷ thứ XVII, đất Gia Định đường sông nhiều ngả, thuyền cướp thường tụ tập nơi những khúc sông vắng vẻ, rình rập chờ thuyền buôn đi qua để cướp bóc, các thương buôn thời đó rất khổ. Nguyễn Cư Trinh bèn hạ lệnh cho các hạt: phàm thuyền lớn nhỏ, đều phải khắc tên họ quê quán chủ thuyền ở đầu, được quan sở tại làm sổ thuyền để tiện tra xét. Từ đây, kẻ gian không ăn cắp vào đâu được, trộm cướp phải im hơi. Bên cạnh đó, về luật giao thông trên sông, Trịnh Hoài Đức viết: Ở Sài Gòn, ghe thuyền đi đi lại lại trên sông rạch, thường đụng chạm nhau và thường sinh ra kiện cáo nhau. Cho nên quan trấn thủ là Nguyễn Cư Trinh đã đưa ra luật lệ: Phàm ghe thuyền đi bắt luận gió nước thuận hay nghịch, khi đi gần gặp nhau thì đều phải hô là “bát” (đi phía tay mặt - tay phải). Ghe này đi qua phía mặt, ghe kia cũng phải đi phía mặt”, để cho “thuận lái thuận sào” để điều khiển mà tránh nhau. Nguyễn Cư Trinh ở ngoài biên hơn 10 năm, uy danh lẫy lừng, dân Việt người Man đều mến phục, nguồn internet (Google).

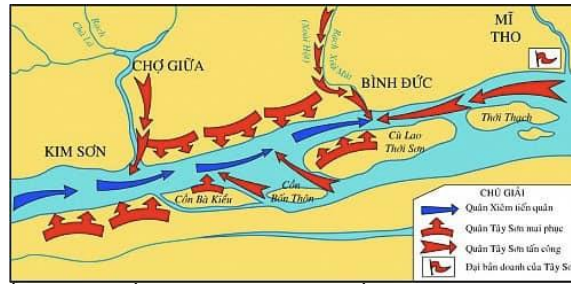


Hình 13: Hình ảnh đồng ruộng chen lẫn núi non ở Châu Đốc; Phần Đất Tầm Phong Long Được Sáp Nhập Vào Xứ Đàng Trong Năm 1757. Vị trí Châu Đốc nằm sát biên giới Campuchia ngày nay. Ngay sau khi nhận được vùng đất này, chúa Nguyễn đã giao cho Nguyễn Cư Trinh vào Nam để thành lập 3 đạo: Châu Đốc, Tân Châu và Đông Khẩu (Sa Đéc). Từ đó đến nay trải qua nhiều lần sáp nhập và chia tách, từ năm 1954 đến 1975, Châu Đốc là tỉnh biên Thủy của VNCH, sau năm 1975, CS bãi bỏ tỉnh Châu Đốc, sáp nhập địa phận tỉnh này vào tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 14: Trận thủy chiến Rạch Gầm-Xoài Mút năm 1785. Tương cũng nên nhắc lại, vào tháng 3 năm 1777, Nguyễn Huệ chỉ huy nghĩa binh Tây Sơn kéo quân từ Qui Nhơn vào đánh Gia Định. Đến ngày 19 tháng 10 năm 1777, Chúa Nguyễn Phúc Thuần cùng nhiều quan lại, và nhiều tướng lĩnh nhà Nguyễn đều bị bắt. Từ đó coi như toàn bộ vùng Nam Kỳ thuộc quyền kiểm soát của nghĩa binh Tây Sơn. Tuy nhiên, sau khi nghĩa binh Tây Sơn kéo quân về Qui Nhơn một thời gian, vào tháng 6 năm 1782, Nguyễn Ánh lại tập hợp tàn quân trở về định đánh chiếm thành Gia Định, nhưng cũng lại bị Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem liên quân thủy-bộ của Tây Sơn vào đánh tan lần nữa vào tháng 2 năm 1783. Nguyễn Ánh kéo một lần nữa kéo tàn quân chạy trốn ra các đảo trong Vịnh Thái Lan, sau đó sang cầu cứu xin vua Xiêm cho quân sang giúp đánh nghĩa binh Tây Sơn. Tháng 7 năm 1784, vua Xiêm sai 2 tướng Chiêu Tăng và Chiêu Sương chỉ huy 5 vạn quân theo đường thủy và đường bộ tiến vào Gia Định. Trong khi đó, Nguyễn Ánh cũng tập hợp được khoảng gần 70.000 quân phối hợp với quân Xiêm La. Đến cuối năm 1784, Nguyễn Huệ được giao nhiệm vụ mang quân vào đánh dẹp liên quân Xiêm La-Nguyễn Ánh tại vùng Gia Định. Nguyễn Huệ chỉ huy một đạo quân hơn một vạn người đi bằng đường biển, tiến vào Mỹ Tho để chống giặc. Đến ngày 20 tháng 1 năm 1785, các tướng Xiêm La và Nguyễn Ánh đem toàn bộ thủy quân theo sông Mỹ Tho tấn công quân Tây Sơn. Nguyễn Huệ đã chọn khúc sông Mỹ Tho, từ Rạch Gầm đến Xoài Mút, làm nơi phục kích liên quân Xiêm La-Nguyễn Ánh. Nghĩa binh Tây Sơn bao gồm thủy binh, bộ binh và pháo binh đã phục sẵn ở hai bên bờ sông và trên các cù lao giữa sông. Đến rạng sáng ngày 19 tháng 01 năm 1785, đoàn thuyền chiến của liên quân Xiêm La-Nguyễn Ánh đi vào trận địa mai phục của nghĩa quân Tây Sơn trong khoảng từ cửa sông Xoài Mút của Rạch Gầm, Nguyễn Huệ liền ra lệnh cho thủy, bộ và pháo binh Tây Sơn tấn công. Đội hình thuyền chiến của liên quân Xiêm La-Nguyễn Ánh bị đánh tan.

Chỉ trên một khúc sông ngắn này mà khoảng 300 thuyền chiến giặc bị đánh chìm và đốt cháy, và gần 4 vạn binh lính Xiêm La-Nguyễn Ánh tử trận. Chiêu Tăng và Chiêu Sương phải bỏ chiến thuyền chạy trốn lên bờ, thu tàn quân lên đường bộ trốn về Xiêm. Lúc này, 5 vạn quân Xiêm chỉ còn hơn 1 vạn, nguồn internet (Google).



Hình 15: Lược đồ trận Rạch Gầm-Xoài Mút: Với chưa đầy 10.000 nghĩa binh Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy phục kích đánh tan liên quân 50.000 quân Xiêm La và khoảng 70.000 quân Nguyễn Ánh tại trận Rạch Gầm-Xoài Mút vào năm 1785, ảnh internet (Google)



Hình 16: Tượng anh hùng Nguyễn Huệ tại quê nhà Bình Định, ảnh internet (Google).

III

Nam Kỳ Trải Qua Các Thời Đại (P-3)

Năm 1859, quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định và tiếp tục đánh chiếm các tỉnh khác trong xứ Nam Kỳ. Từ năm 1862 đến năm 1867, họ dùng danh xưng “département” để thay thế cho phủ và “arrondissement” để thay cho huyện. Sau năm 1867, nghĩa là sau khi họ chiếm toàn bộ Nam Kỳ, thì họ lại dùng danh xưng “arrondissement” cho hạt (tương đương với tiểu khu) do quan chánh tham biện cai trị (administrateur). Tham biện được đặt dưới quyền của Thống đốc, và Thống đốc dưới quyền của quan Toàn Quyền Đông Dương. Như vậy, sau năm 1868, nghĩa là sau khi hoàn tất cuộc xâm lăng đất Nam Kỳ, người Pháp chia vùng đất Nam Kỳ Lục Tỉnh ra làm 20 địa hạt (arrondissements). Năm 1876, Pháp lại chia Nam Kỳ ra làm 4 khu vực hành chánh, mỗi khu lại được chia ra làm nhiều địa hạt nhỏ:

- 1) Khu vực Sài Gòn gồm 5 địa hạt: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa và Gia Định.
- 2) Khu vực Mỹ Tho gồm 4 địa hạt: Mỹ Tho, Gò Công, Tân An và Chợ Lớn.
- 3) Khu vực Vĩnh Long gồm 4 địa hạt: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh và Sa Đéc.
- 4) Khu vực Bassac gồm 6 địa hạt: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ và Sóc Trăng.

Vào ngày 8 tháng 1 năm 1877, Tổng Thống Pháp ký sắc lệnh thành lập thành phố cấp I tại Sài Gòn, đứng đầu là một quan đô trưởng (maire). Ngày 20 tháng 10 năm 1879, Thống đốc Nam Kỳ ra nghị định thành lập thành phố cấp II tại Chợ Lớn.

Đến năm 1882, thực dân Pháp lấy 2 tổng của Sóc Trăng và 3 tổng của Rạch Giá để thành lập địa hạt Bạc Liêu. Năm 1883, theo hiệp ước Quý Mùi (25 tháng 8 năm 1883), triều đình Huế lại nhường toàn bộ tỉnh Bình Thuận cho Nam Kỳ thuộc địa để trừ vào tiền bồi thường chiến phí mà triều đình còn thiếu. Tuy nhiên, đến năm 1884, theo hiệp ước Giáp Thân (được ký ngày 6 tháng 6 năm 1884), Bình Thuận được trả về cho triều đình Huế.

Năm 1887, Nam Kỳ trở thành lãnh thổ của Liên Bang Đông Dương. Năm 1895, Vũng Tàu (Cap Saint Jacques) được tách ra khỏi Bà Rịa để trở nên một thị xã tự trị. Đến năm 1899, Thống Đốc Nam Kỳ ra sắc lệnh đổi tất cả các địa hạt ra làm tỉnh (province). Nghĩa là năm 1899, toàn vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh được chia ra làm 20 tỉnh bao gồm các tỉnh Biên

Hòa, Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc, Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá, Hà Tiên, Cần Thơ, Sóc Trăng và Bạc Liêu. Năm 1913, tỉnh Gò Công được sáp nhập vào Mỹ Tho, tỉnh Sa Đéc được sáp nhập vào Vĩnh Long, và tỉnh Hà Tiên được sáp nhập vào Châu Đốc. Ngoài ra, còn có 3 thành phố gồm Sài Gòn, Chợ Lớn (5), và thành phố tự trị Vũng Tàu-Côn Đảo (Cap Saint Jacques) dưới quyền trực tiếp của Thống Đốc Nam Kỳ. Đến năm 1905 thì bãi bỏ thành phố Vũng Tàu-Côn Đảo, biến thành phố này thành một đại lý hành chánh trực thuộc tỉnh Bà Rịa. Năm 1929, Vũng Tàu và đảo Côn Sơn lại được nâng lên thành một tỉnh. Năm 1933, triều đình Huế đồng ý cho Pháp sáp nhập quần đảo Trường Sa vào xứ Nam Kỳ thuộc địa.

Theo thống kê của người Pháp, vào năm 1905, dân số Nam Kỳ khoảng 2.876.417 người. Năm 1909 tăng lên khoảng 2.975.838 người. Năm 1920, dân số khoảng 3.600.000 người. Và vào năm 1936, toàn vùng Nam Kỳ có tổng dân số là 4.616.000 người. Tháng 3 năm 1945, Thống sứ Nhật là Nishimura đổi nam Kỳ ra thành Nam Bộ. Năm 1945, Việt Nam tuyên bố độc lập, chính phủ Trần trọng Kim tuyên bố sáp nhập Nam Kỳ vào nước Việt Nam. Sau tháng 8 năm 1945, tức là sau Cách Mạng tháng Tám năm 1945, Ủy Ban Hành Chánh Lâm Thời Nam Bộ, hay Lâm Ủy Nam Bộ, do chính quyền mới lập ra, đã tiếp quản vùng Nam Kỳ. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp tái chiếm Sài Gòn và các tỉnh lân cận. Người Pháp vội vã thành lập chánh phủ “Nam Kỳ Quốc” và tách xứ này ra khỏi Việt Nam, nhưng đến ngày 22 tháng 5 năm 1949, Quốc Hội Pháp phải đồng ý trao trả Nam Phần cho quốc gia Việt Nam. Năm 1946, toàn vùng Nam Phần Việt Nam có 21 tỉnh và thành phố Sài Gòn trong số 72 tỉnh thành trên toàn quốc. Đó là các tỉnh: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa, Chợ Lớn, thành phố Sài Gòn, Gia Định, Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Bạc Liêu, và Sóc Trăng. Năm 1954, chiến tranh Việt Pháp chấm dứt, đất nước Việt Nam bị chia đôi. Miền Nam trở thành một phần lãnh thổ của quốc gia Việt Nam Cộng Hòa (6).

Chú Thích:

(5) Thành phố Chợ Lớn nằm trong tỉnh Chợ Lớn thời đó.

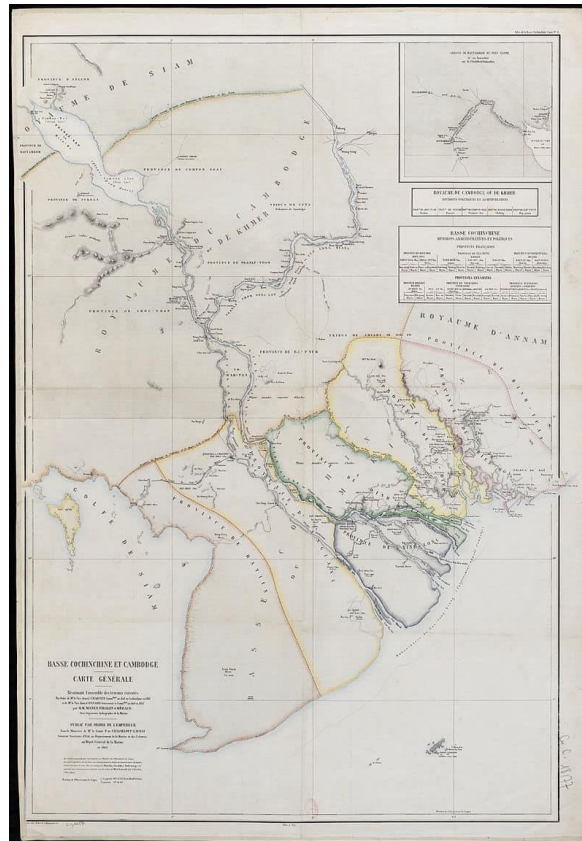
(6) Lãnh thổ VNCH chạy từ sông Bến Hải đến mũi Cà Mau.



Hình 1: Vùng Nam Kỳ (màu cam) thuộc quyền kiểm soát của Nguyễn Ánh vào năm 1789. Tương cũng nên nhắc lại, nhân lúc Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đang chuẩn bị đánh đuổi quân Nhà Thanh ra khỏi bờ cõi miền Bắc thì Nguyễn Ánh đã nhân cơ hội này gom quân ở miền Nam về tái chiếm Thành Gia Định từ tay Nguyễn Lữ, kể từ đó toàn vùng Nam Kỳ được đặt dưới sự kiểm soát của Nguyễn Ánh, ảnh internet (Google).



Hình 2: Bản đồ Nam Kỳ Lục Tỉnh năm 1836, dưới thời vua Minh Mạng, nguồn Nghiên Cứu Địa Bạ của Nguyễn Đình Đầu.



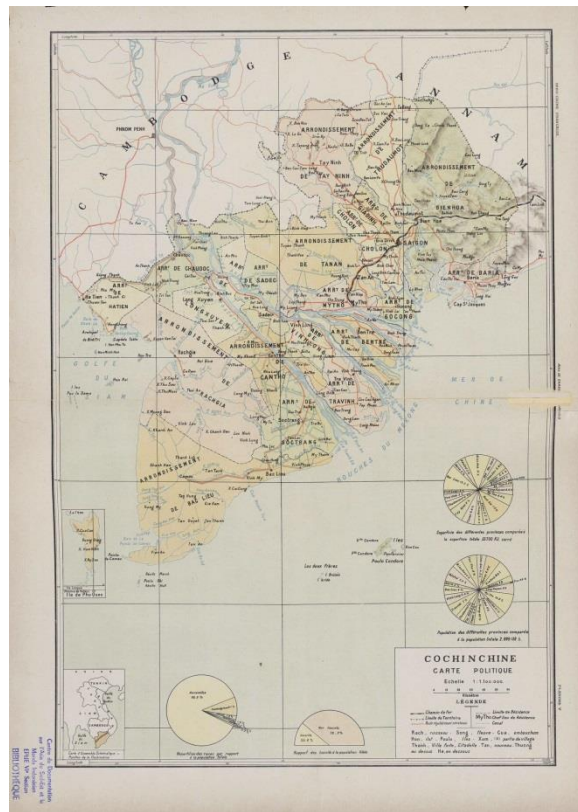
Hình 3: Bản đồ Nam Kỳ Lục Tỉnh năm 1836, dưới thời vua Minh Mạng, nguồn internet (Google).



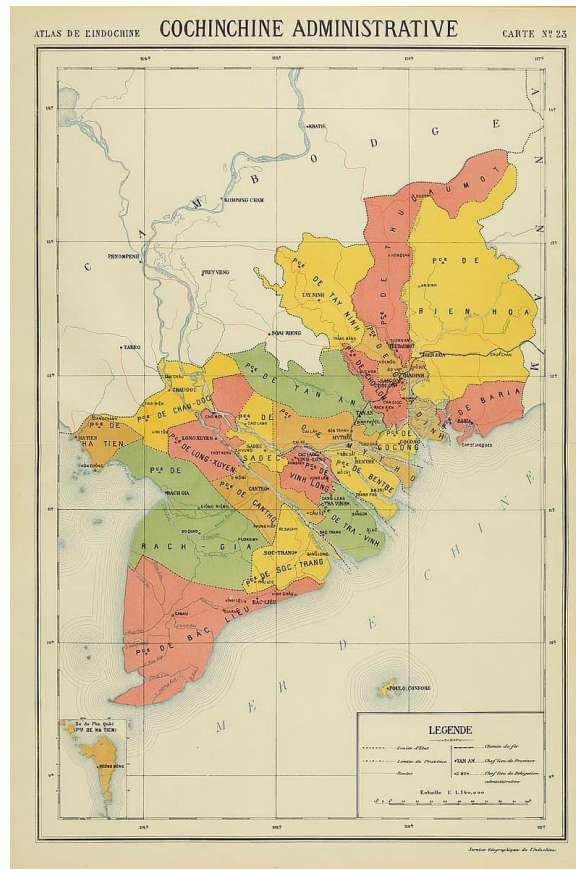
Hình 4: Bản đồ Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Thời kỳ này, Nam Kỳ được chia thành bốn khu vực hành chính chính là Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bassac. Tương cũng nên nhắc lại, năm 1876, người Pháp chia Nam Kỳ ra làm 4 khu vực hành chính:

- 1) Khu vực Sài Gòn gồm 5 địa hạt: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa và Gia Định.
- 2) Khu vực Mỹ Tho gồm 4 địa hạt: Mỹ Tho, Gò Công, Tân An và Chợ Lớn.
- 3) Khu vực Vĩnh Long gồm 4 địa hạt: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh và Sa Đéc.
- 4) Khu vực Bassac gồm 6 địa hạt: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ và Sóc Trăng.

Trong mỗi khu vực hành chính được chia thành các tiểu khu hành chính (đến năm 1900 được gọi là tỉnh) gồm các tổng. Đứng đầu tiểu khu hành chính là viên quan người Pháp ngạch quan cai trị. Mỗi tiểu khu được chia thành một số đơn vị là Trung tâm hành chính, đứng đầu là quan chức người Việt với chức danh là Đốc phủ sứ, Tri phủ hoặc Tri huyện tương đương cấp phủ, huyện ở Bắc và Trung Kỳ. Mỗi tiểu khu hành chính được chia thành các tổng gồm nhiều xã. Chánh, Phó chánh tổng do các viên thanh tra chỉ định được xếp ngạch nhân viên hành chính. Đứng đầu cấp xã là xã trưởng và phó lý, ảnh Bulletin de Cochinchine 1876.



Hình 5: Năm 1859, quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định và tiếp tục đánh chiếm các tỉnh khác trong xứ Nam Kỳ. Từ năm 1862 đến năm 1867, họ dùng danh xưng “département” để thay thế cho phủ và “arrondissement” để thay cho huyện. Sau năm 1867, nghĩa là sau khi họ chiếm toàn bộ Nam Kỳ, thì họ lại dùng danh xưng “arrondissement” cho hạt (tương đương với tiểu khu) do quan chánh tham biện cai trị (administeur). Tham biện được đặt dưới quyền của Thống đốc, và Thống đốc dưới quyền của quan Toàn Quyền Đông Dương, ảnh Bulletin de Cochinchine 1867.



Hình 6: Đến năm 1899, Thống Đốc Nam Kỳ ra sắc lệnh đổi tất cả các địa hạt ra làm tỉnh (province). Nghĩa là năm 1899, toàn vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh được chia ra làm 20 tỉnh bao gồm các tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc, Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá, Hà Tiên, Cần Thơ, Sóc Trăng và Bạc Liêu. Ngoài 20 tỉnh trên, Nam Kỳ còn có 2 thành phố lớn là Sài Gòn và Chợ Lớn. Đứng đầu Sài Gòn và Chợ Lớn là Đốc lý và Phó Đốc lý. Đứng đầu tỉnh là viên chức người Pháp. Mỗi tỉnh có một Sở Tham biện, Hội đồng hàng tỉnh phụ tá cho chủ tỉnh. Ở Nam Kỳ không tồn tại hệ thống chính quyền cấp tỉnh của người Việt do đó người Pháp quản lý và điều hành trực tiếp bộ máy hành chính. Tại một số tỉnh, có các trung tâm hành chính hoặc Sở Đại lý. Thành phố Sài Gòn được thành lập năm 1877. Thành phố Chợ Lớn được thành lập năm 1879. Đứng đầu thành phố là Đốc lý tương đương quan chủ tỉnh. Ngoài ra còn có Hội đồng thành phố có chức năng thảo luận, biểu quyết, quyết định những vấn đề của thành phố; góp ý về những vấn đề mà cấp trên yêu cầu và đề đạt mọi nguyện vọng liên quan đến lợi ích của thành phố lên cấp trên. Tại Nam Kỳ, người Pháp cũng cải cách hệ thống chính quyền cấp làng xã nhằm xóa bỏ sự tự trị và dân chủ ở cấp làng xã. Đứng đầu mỗi làng là Lý trưởng, đứng đầu xã là Xã trưởng. Bên cạnh Lý trưởng còn có các tổ chức như Hội đồng kỳ mục, Hội đồng tộc biểu, Hội đồng Đại Kỳ mục và các ủy ban thường trực, ảnh Bulletin de Cochinchine 1920.



Hình 7: Bản đồ Nam Kỳ thời Pháp thuộc năm 1906, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1906 (Bulletin de Cochinchine 1906).



Hình 8: Ngã tư Charner (nay là Nguyễn Huệ) & Bonnard (Lê Lợi) vào năm 1934 nhìn về hướng Toà Đô Chánh Sài Gòn thời VNCH, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1934 (Bulletin de Cochinchine 1934).



Hình 9: Đường Catinat (Công Lý thời VNCH) năm 1920, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1920 (Bulletin de Cochinchine 1920).



Hình 10: Khu vực Cầu Ông Lãnh và con rạch nhỏ chảy ra rạch Bến Nghé năm 1920 (thời VNCH 1954-1975 là đường Nguyễn Thái Học, quận 2, Sài Gòn).



Hình 11: Hình ảnh quận 1, thành phố Sài Gòn, phía trước bên kia sông là Thủ Thiêm năm 1954, ảnh Công Báo VNCH năm 1954 (Administrative Bulletin of RVN 1954).



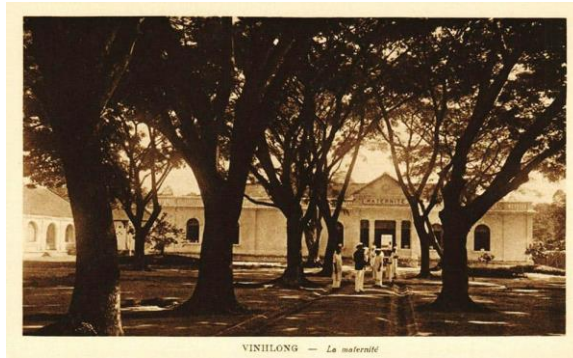
Hình 12: Khu vực chợ Bến Thành, Sài Gòn thời thuộc Pháp năm 1938, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1938 (Bulletin de Cochinchine 1938).



Hình 13: Rạp Hát Cao Đồng Hưng, Sài Gòn , năm 1950, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1950 (Bulletin de Cochinchine 1950).



Hình 14: Nhà Thương Thí Nguyễn Trung Trực Vĩnh Long năm 1955, ảnh Công Báo VNCH 1955 (Administrative Bulletin of RVN 1955).



Hình 15: Nhà Bảo Sinh Vĩnh Long, nằm trong khu Nhà Thương Thị Nguyễn Trung Trực Vĩnh Long năm 1940, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1945 (Bulletin de Cochinchine 1940).



Hình 16: Công Viên Lạc Hồng Vĩnh Long (gần quán cơm Xã Hội) năm 1956, ảnh Công Báo VNCH 1956 (Administrative Bulletin of RVN 1956).



Hình 17: Trường Tổng Phước Hiệp trên đại lộ Gia Long, đối diện bên kia đường là Ty Công Chánh Vĩnh Long năm 1961, ảnh Công Báo VNCH 1961 (Administrative Bulletin of RVN 1961).



Hình 18: Trường Nam tiểu học (nằm trên đường Nguyễn Thái Học thời VNCH) năm 1920, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1920 (Bulletin de Cochinchine 1920).



Hình 19: Trường Nữ Tiểu Học Vĩnh Long (nằm trên đường Lê Văn Duyệt thời VNCH) năm 1920, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1920 (Bulletin de Cochinchine 1920).



Hình 20: Trường Tiểu Học Sa Đéc 1925, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1925 (Bulletin de Cochinchine 1925).



Hình 21: Đình Thần Vinh Hoà, Sa Đéc, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1950 (Bulletin de Cochinchine 1950).



Hình 22: Ty Bưu Điện Rach Giá năm 1950, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1950 (Bulletin de Cochinchine 1950).



Hình 23: Nhà Thương Thí tỉnh Rach Giá năm 1920, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1920 (Bulletin de Cochinchine 1920).



Hình 24: Trường Nam Long Xuyên năm 1925,
ảnh Công Báo Nam Kỳ 1925 (Bulletin de Cochinchine 1925).

IV

Nam Kỳ Thời Việt Nam Cộng Hoà (P-1)

Năm 1956, sau khi ổn định miền Nam, chánh quyền Đệ Nhất Cộng Hòa chia vùng này ra làm 22 tỉnh và đô thành Sài Gòn, gồm các tỉnh Bình Tuy, Phước Tuy(7), Long Khánh(8), Bình Long(9), Phước Long(10), Bình Dương(11), thủ đô Sài Gòn, Gia Định, Long An(12), Định Tường(13), Kiến Hòa(14), Kiến Phong(15), Kiến Tường(16), Vĩnh Long(17), Vĩnh Bình(18), Phong Dinh(19), An Giang(20), Kiên Giang(21), Ba Xuyên(22), An Xuyên(23), và Côn Sơn. Năm 1959, Tổng Thống Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Phước Thành, gồm một phần đất của Biên Hòa, Bình Dương và Tây Ninh, nhưng tỉnh này bị bãi bỏ vào năm 1965. Năm 1961, tỉnh Chương Thiện được thành lập, lấy ra từ các tỉnh Ba Xuyên, Phong Dinh và Kiên Giang. Năm 1963, chánh quyền cất những phần đất từ các tỉnh Ba Xuyên, Cà Mau và Kiên Giang để thành lập tỉnh Bạc Liêu. Cũng trong năm 1963, do nhu cầu an ninh lãnh thổ, chánh quyền Đệ Nhất Cộng Hòa lấy một phần của các tỉnh Long An, Gia Định và Tây Ninh để thành lập tỉnh Hậu Nghĩa. Năm 1964, chánh quyền cất những phần đất từ các tỉnh An Giang và Kiên Giang để thành lập tỉnh Châu Đốc. Năm 1965, chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa bãi bỏ tỉnh Côn Sơn. Năm 1966, chánh quyền cất một phần đất của Vĩnh Long cho sáp nhập vào thị xã Sa Đéc để thành lập tỉnh Sa Đéc. Như vậy tính đến trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, Nam phần có 27 tỉnh và đô thành Sài Gòn.

Chú Thích:

(7) Tỉnh Phước Tuy thời VNCH bao gồm các vùng Bà Rịa và Vũng Tàu.

(8)Tỉnh Long Khánh thời VNCH là vùng Xuân Lộc ngày nay.

(9) Tỉnh Bình Long thời VNCH là vùng Bà Rịa ngày nay.

(10) Tỉnh Phước Long thời VNCH là vùng Lộc Ninh-Hớn Quản ngày nay.

(11) Bình Dương là vùng Thủ Dầu Một.

(12) Tỉnh Tân An vào năm 1956 bao gồm các vùng Chợ Lớn và Tân An.

(13) Tỉnh Định Tường vào năm 1956 bao gồm các vùng Mỹ Tho và Gò Công.

(14) Tỉnh Kiến Hòa vào năm 1956 bao gồm toàn vùng Bến Tre ngày nay, nhưng lúc đó quận Chợ Lách trực thuộc tỉnh Vĩnh Long.

(15) Tỉnh Kiến Phong vào năm 1956 bao gồm các vùng Cao Lãnh và Phong Thạnh.

(16) Tỉnh Kiến Tường vào năm 1956 bao gồm toàn vùng Mộc Hóa ngày nay.

(17) Tỉnh Vĩnh Long vào năm 1956 bao gồm các vùng Vĩnh Long và Sa Đéc ngày nay.

(18) Tỉnh Vĩnh Bình vào năm 1956 bao gồm toàn vùng Trà Vinh ngày nay.

(19) Tỉnh Phong Dinh vào năm 1956 bao gồm toàn vùng Cần Thơ ngày nay.

(20) Tỉnh An Giang thời VNCH bao gồm các vùng Long Xuyên và Châu Đốc ngày nay.

(21) Tỉnh Kiên Giang thời VNCH bao gồm các vùng Rạch Giá và Hà Tiên ngày nay.

(22) Tỉnh Ba Xuyên thời VNCH bao gồm các vùng Sóc Trăng và Bạc Liêu ngày nay.

(23) Tỉnh An Xuyên thời VNCH là vùng Cà Mau ngày nay.



Hình 1: Chợ Rạch Giá 1955, Công Bảo VNCH 1955
(Administrative Bulletin of RVN 1955).



Hình 2: Chợ Phú Vinh (Tra Vinh) năm 1972, Công Báo VNCH 1972 (Administrative Bulletin of RVN 1972).



Hình 3: Trường Trung Học Công Lập Kiến Hoà năm 1957, Công Báo VNCH 1957 (Administrative Bulletin of RVN 1957).



Hình 4: Quang cảnh đường sá Ba Xuyên năm 1958, Công Báo VNCH 1958 (Administrative Bulletin of RVN 1958).



Hình 5: Trường Tiểu Học Quận Long năm 1970, Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 6: Phi trường An Xuyên năm 1973, Công Báo VNCH 1973, Administrative Bulletin of RVN 1973 (through TVNA Collection).



Hình 7: Phi trường An Xuyên năm 1973, Công Báo VNCH 1973
(Administrative Bulletin of RVN 1973).



Hình 8: Đường phố Cần Thơ năm 1956, Công Báo VNCH 1956
(Administrative Bulletin of RVN 1956).



Hình 8: Đường phố Cần Thơ năm 1956, Công Báo VNCH 1956
(Administrative Bulletin of RVN 1956).



Hình 10: Cảnh buôn bán bên bờ kênh Xà No năm 1965, Chương Thiện, Công Báo VNCH 1965 (Administrative Bulletin of RVN 1965).



Hình 11: Xe dò Vĩ Thanh-Cần Thơ năm 1965, Công Báo VNCH 1965 (Administrative Bulletin of RVN 1965).



Hình 12: Chợ Sa Đéc 1930, Công Báo Nam Kỳ 1930 (Bulletin de Cochinchine 1930).



Hình 13: Bảo Sanh Viện Định Tường 1960, Công Báo VNCH 1960
(Administrative Bulletin of RVN 1960).



Hình 14: Chợ Kiến Tường 1967, Công Báo VNCH 1967
(Administrative Bulletin of RVN 1967).



Hình 15-16: Đường phố Hậu Nghĩa năm 1966, Công Báo VNCH 1966
(Administrative Bulletin of RVN 1966).



Hình 17: Bệnh Viện Chợ Rẫy năm 1965, Công Báo VNCH 1965
(Administrative Bulletin of RVN 1965).



Hình 18: Chợ Đất Đỏ Phước Tuy năm 1956, Công Báo VNCH 1956
(Administrative Bulletin of RVN 1956).



Hình 19: Phố Gia Long ngày ấy còn thấy Cây Xăng hiệu Shell (gần dốc Cây me), thị xã Tây Ninh 1965, Công Báo VNCH 1965 (Administrative Bulletin of RVN 1965).



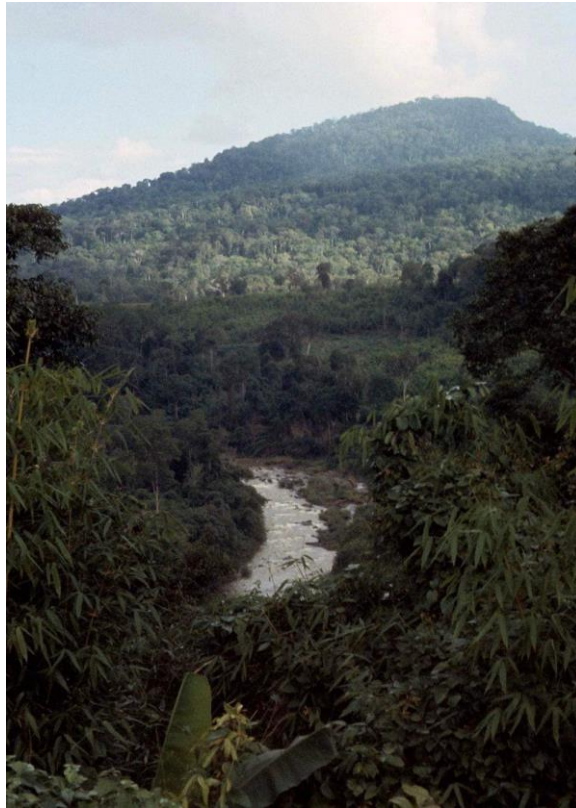
Hình 20: Cây xăng SHELL chỗ bùng binh Chợ Cũ, trong hình cho thấy thửa ấy khu bến xe đồ Bình Long vẫn còn ở đây năm 1966, Công Báo VNCH 1966 (Administrative Bulletin of RVN 1966).



Hình 21: Cổng chính vào Bệnh Viện Bình Long và cũng là Ty Y Tế Bình Long, 1963, Công Báo VNCH 1963 (Administrative Bulletin of RVN 1963).



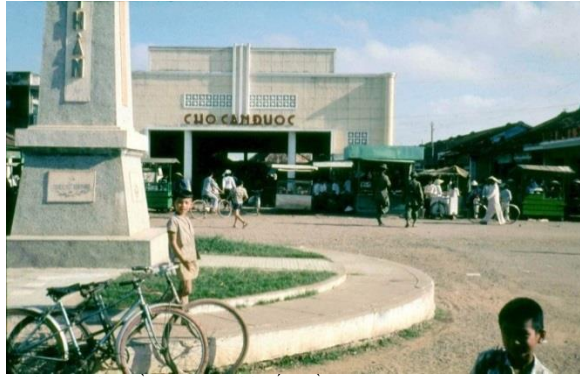
Hình 22: Phi trường Sông Bé 1970, Công Báo VNCH 1970
(Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 23: Quang cảnh núi Bà Rá năm 1970, Công Báo VNCH 1970
(Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 24: Đoàn Thanh Nữ Cộng Hoà tỉnh Tân An năm 1958, Công Báo VNCH 1958 (Administrative Bulletin of RVN 1958).



Hình 25: Chợ Cần Đức ở thị trấn Cần Đức, Tân An vào năm 1968, Công Báo VNCH 1968 (Administrative Bulletin of RVN 1968).



Hình 26: Đài Chiến Sĩ Trận Vong tại Cần Đức Tân An năm 1970, Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 27: Bệnh Viện Long Xuyên năm 1925, Công Báo Nam Kỳ 1925 (Bulletin de Cochinchine 1925).



Hình 28: Trường Nữ Long Xuyên năm 1925, Công Báo Nam Kỳ 1925 (Bulletin de Cochinchine 1925).



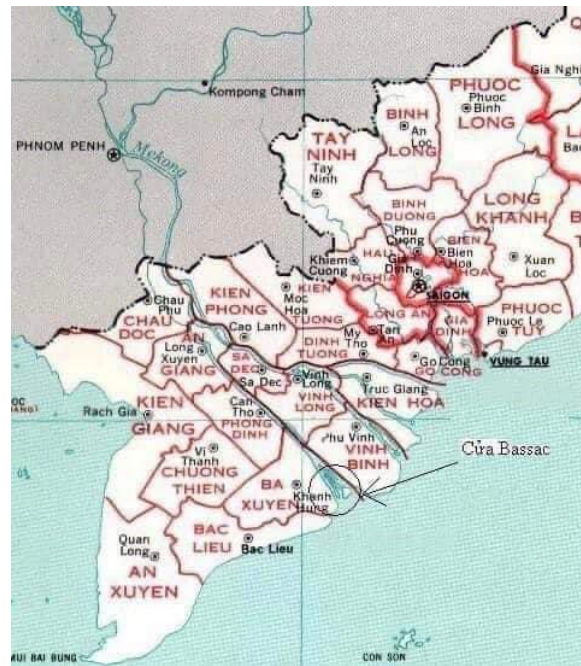
Hình 29: Chợ Tịnh Biên năm 1920, Công Báo Nam Kỳ 1920 (Bulletin de Cochinchine 1920).



Hình 30: Bệnh Viện Gò Công năm 1920, Công Báo Nam Kỳ 1920
(Bulletin de Cochinchine 1920).



Hình 31: Chợ Gò Công 1920, Công Báo Nam Kỳ 1920
(Bulletin de Cochinchine 1920).



Hình 32: Bản đồ Hành Chánh VNCH 1960, Công Báo VNCH 1960
(Administrative Bulletin of RVN 1960).

V

Nam Kỳ Lục Tỉnh Thời Việt Nam Cộng Hoà (Phần-2 Phần Phụ Đính)

Tương cũng nên nhắc lại, năm 1887, Nam Kỳ trở thành lãnh thổ của Liên Bang Đông Dương. Năm 1895, Cap Saint Jacques được tách ra khỏi Bà Rịa để trở nên một thị xã tự trị. Đến năm 1899, Thống Đốc Nam Kỳ ra sắc lệnh đổi tất cả các địa hạt ra làm tỉnh (province). Nghĩa là năm 1899, toàn vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh được chia ra làm 20 tỉnh bao gồm Biên Hòa, Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc, Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá, Hà Tiên, Cần Thơ, Sóc Trăng và Bạc Liêu. Năm 1913, tỉnh Gò Công được sáp nhập vào Mỹ Tho, tỉnh Sa Đéc được sáp nhập vào Vĩnh Long, và tỉnh Hà Tiên được sáp nhập vào Châu Đốc. Ngoài ra, còn có 3 thành phố gồm Sài Gòn, Chợ Lớn và thành phố tự trị Vũng Tàu-Côn Đảo dưới quyền trực tiếp của Thống Đốc Nam Kỳ. Đến năm 1905 thì bãi bỏ thành phố Vũng Tàu-Côn Đảo, biến thành phố này thành một đại lý hành chánh trực thuộc tỉnh Bà Rịa. Năm 1929, Vũng Tàu và đảo Côn Sơn lại được nâng lên thành một tỉnh. Năm 1933, triều đình Huế đồng ý cho Pháp sáp nhập quần đảo Trường Sa vào xứ Nam Kỳ thuộc địa. Tháng 3 năm 1945, Thống sứ Nhật là Nishimura đổi nam Kỳ ra thành Nam Bộ. Năm 1946, toàn vùng Nam Phần Việt Nam có 21 tỉnh và thành phố Sài Gòn trong số 72 tỉnh thành trên toàn quốc. Đó là các tỉnh: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa, Chợ Lớn, thành phố Sài Gòn, Gia Định, Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Bạc Liêu, và Sóc Trăng. Năm 1954, chiến tranh Việt Pháp chấm dứt, đất nước Việt Nam bị chia đôi. Miền Nam trở thành một phần lãnh thổ của quốc gia Việt Nam Cộng Hòa.

Năm 1956, sau khi ổn định miền Nam, chánh quyền Đệ Nhất Cộng Hòa chia vùng này ra làm 22 tỉnh và đô thành Sài Gòn, gồm các tỉnh Bình Tuy, Phước Tuy(8), Long Khánh(9), Bình Long(10), Phước Long(11), Bình Dương(12), thủ đô Sài Gòn, Gia Định, Long An(13), Định Tường(14), Kiến Hòa(15), Kiến Phong(16), Kiến Tường(17), Vĩnh Long(18), Vĩnh Bình(19), Phong Dinh(20), An Giang(21), Kiên Giang(22), Ba Xuyên(23), An Xuyên(24), và Côn Sơn. Năm 1959, Tổng Thống Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Phước Thành, gồm một phần đất của Biên Hòa, Bình Dương và Tây Ninh, nhưng tỉnh này bị bãi bỏ vào

năm 1965. Năm 1961, tỉnh Chương Thiện được thành lập, lấy ra từ các tỉnh Ba Xuyên, Phong Dinh và Kiên Giang. Năm 1963, chánh quyền cắt những phần đất từ các tỉnh Ba Xuyên, Cà Mau và Kiên Giang để thành lập tỉnh Bạc Liêu. Cũng trong năm 1963, do nhu cầu an ninh lãnh thổ, chánh quyền Đệ Nhất Cộng Hòa lấy một phần của các tỉnh Long An, Gia Định và Tây Ninh để thành lập tỉnh Hậu Nghĩa. Năm 1964, chánh quyền cắt những phần đất từ các tỉnh An Giang và Kiên Giang để thành lập tỉnh Châu Đốc. Năm 1965, chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa bãi bỏ tỉnh Côn Sơn. Năm 1966, chánh quyền cắt một phần đất của Vĩnh Long cho sáp nhập vào thị xã Sa Đéc để thành lập tỉnh Sa Đéc. Như vậy tính đến trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, Nam phần có 27 tỉnh và đô thành Sài Gòn.

Gần như ngay sau khi lên chấp chính năm 1955, Chính quyền Đệ Nhất Cộng Hoà thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã xúc tiến cải tổ nền hành chính, và phân chia lại địa giới, nhằm tìm cách quân bình diện tích và dân số của nhiều tỉnh khắp miền Nam Việt Nam, đặc biệt là vùng Nam Kỳ. Vào ngày 19 tháng 1 năm 1955, Chính phủ thành lập thêm các tỉnh Tam Cầm, ngày 27 tháng 1 năm 1955, thành lập tỉnh Mộc Hóa và tỉnh Phong Thạnh, ngày 18 tháng 2 năm 1955 thành lập tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, bốn tỉnh này tồn tại không được bao lâu thì đổi tên như Mộc Hóa đổi thành Kiến Tường, Phong Thạnh đổi thành Kiến Phong, Cà Mau đổi thành An Xuyên; hay bị sáp nhập vào các tỉnh khác như Tam Cầm nhập vào Vĩnh Bình.

Thời đệ nhất Cộng Hoà (1954-1963), Tỉnh trưởng, thường là dân sự, cũng có quyền bổ nhiệm hội đồng xã, nhưng chỉ đề cử quận trưởng lên cho tổng thống phê chuẩn. Nói chung thì tỉnh trưởng trực thuộc phủ tổng thống hoặc thông qua Bộ Nội vụ hay Tòa Đại biểu Chính phủ ở miền đó. Thời đệ nhị Cộng Hoà (1963-1975), đứng đầu các tỉnh cũng là Tỉnh trưởng, nhưng là quân nhân, thường là từ cấp Trung tá trở lên, hầu hết là cấp Đại tá, và Phó tỉnh trưởng thường là dân sự. Cả hai đều do Tổng thống bổ nhiệm và thông qua Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Tỉnh trưởng là do tổng thống bổ nhiệm, có thể là quân nhân hoặc công chức. Cấp tỉnh không có mô hình cơ quan nghị luận. Tỉnh trưởng có toàn quyền hành pháp, thi hành mệnh lệnh trung ương; riêng ở vùng có dân thiểu số sắc tộc thì có thể gia giảm để thích hợp với tình hình địa phương. Tỉnh trưởng còn có trách nhiệm trật tự an ninh, soạn ngân sách, và điều hành lực lượng Nhân dân Tự vệ trong tỉnh; trong khi Phó tỉnh trưởng phụ trách về hành chánh. Chiếu theo Hiến pháp thời Đệ Nhị Cộng hòa Việt Nam thì người dân có quyền bỏ phiếu chọn Tỉnh trưởng nhưng trong tình trạng chiến tranh không thể tổ chức bầu cử địa phương ở mọi tỉnh được nên Điều 65 cho phép Tổng thống quyền bổ nhiệm Tỉnh

trưởng trong thời chiến. Trong khi ở cấp trung ương có các Bộ điều hành thì ở cấp tỉnh có các Ty như 1) Ty Hành chánh, phụ trách các chương trình trong tỉnh như tổ chức bầu cử, phát thẻ cử tri, báo cáo với Chánh Quyền Trung ương. 2) Ty Cảnh sát Quốc gia, phụ trách công việc kiểm tra lý lịch và cấp thẻ căn cước. 3) Ty Thông tin phụ trách công việc quảng bá tin tức và chính sách của Chính phủ. 4) Ty Canh nông phụ trách kế hoạch và phát triển nông nghiệp trong toàn tỉnh. 5) Ty Điền địa phụ trách việc đo đạc đất đai và cấp phát đất cho người định cư. 6) Ty Tài chánh phụ trách và kiểm soát chi thu ngân sách cho tỉnh. 7) Ty Kiến thiết phụ trách việc vẽ mẫu thực hiện các công trình trong tỉnh sao cho việc xây dựng nhà cửa và đường thoát nước cho từng ngôi nhà mới xây dựng trong thành phố đều đúng theo bản vẽ đã được ấn định bởi thành phố. 8) Ty Công chánh phụ trách việc thực hiện các công trình đào giếng, ống nước máy, cống nước, đắp đường, bắc cầu... 9) Ty Xã hội: phụ cấp nhu yếu phẩm cho người nghèo, kiểm soát các cơ sở như Cô nhi viện. 10) Ty Thanh niên phụ trách việc tổ chức các đoàn thể, các chương trình thể dục, thể thao, văn nghệ. 11) Ty Tiểu học phụ trách việc tổ chức trường sở và hạ giáo viên tiểu học trong tỉnh. 12) Ty Y tế phụ trách việc trông coi trạm xá phát thuốc, chích ngừa, và vệ sinh công cộng trong tỉnh. 13) Ty Ty nạn cộng sản phụ trách việc giúp đỡ và định cư dân chúng tản cư tránh chiến tranh ở những tỉnh thiếu an ninh, giúp cứu trợ và tái định cư cho họ nơi có an ninh khả quan hơn trong tỉnh. Đến đầu thập niên 1970s, ty Tài chánh đổi thành Ty Ngân sách và Kế toán. Chính quyền VNCH thành lập thêm các Ty Nội an, Ty Kinh tế, Ty Công vụ, Ty Nhân dân tự vệ và Ty Phát triển Sắc tộc ở các tỉnh Cao nguyên Trung phần. Tương cũng nên nhắc lại, thời VNCH, các ty ở cấp tỉnh phải chấp hành theo lệnh của Tỉnh trưởng cũng như những chỉ thị của Trung ương, tức mệnh lệnh của các Bộ trưởng. Dưới các ty là phòng hoặc sở. Thời VNCH, tương đương với cấp tỉnh nhưng có quy mô nhỏ hơn là các thị xã, đứng đầu là Thị trưởng. Riêng Sài Gòn có Đô trưởng cho Đô thành Sài Gòn. Ngoài các ty, mỗi tỉnh còn có Hội đồng tỉnh, số lượng nghị viên tùy thuộc vào dân số mỗi tỉnh nhưng tối đa là 30 nghị viên. Hội đồng tỉnh có quyền quyết nghị, kiểm soát và tư vấn. Phải thực tình mà nói, trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, chỉ có 21 năm (1954-1975), đầu phải đương đầu với chiến tranh phá hoại của CS, chính phủ VNCH cũng đã đưa miền Nam Việt Nam từ một xứ thuộc địa lên thành một trong những quốc gia có nền kinh tế và giáo dục đứng hàng đầu trong vùng Đông Nam Á. Nhưng không may cho dân tộc Việt Nam, vì số phận VNCH nằm trong một trong những ván bài nghiệt ngã của thời cuộc quốc tế, nên phải yếu mệnh. Bây giờ, sau gần nửa thế kỷ nhìn lại biến cố

1975, phải nói biến cố này không chỉ là một mất mát lớn lao cho miền Nam, mà còn là sự luyến tiếc khôn nguôi cho cả đất nước và dân tộc. Mong hồn thiêng sông núi tiếp tục hộ trợ cho dân tộc này vượt qua cơn sóng dữ và có lại những gì mà đáng lý họ đã có từ hơn nửa thế kỷ về trước. Mong lắm vậy!!!

Tài Liệu Tham Khảo:

Công Báo Việt Nam Cộng Hoà từ năm 1954.đến năm 1975
(Administrative Bulletin of Republic of Vietnam from 1954 to 1975).



Hình 1: Bản đồ 4 Quân khu Việt Nam Cộng hòa trước năm 1975, nguồn Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 2: Bản đồ lãnh thổ Quân Đoàn III trước năm 1975 (thuộc địa phận miền Đông Nam Kỳ Lục Tỉnh Xưa), nguồn Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



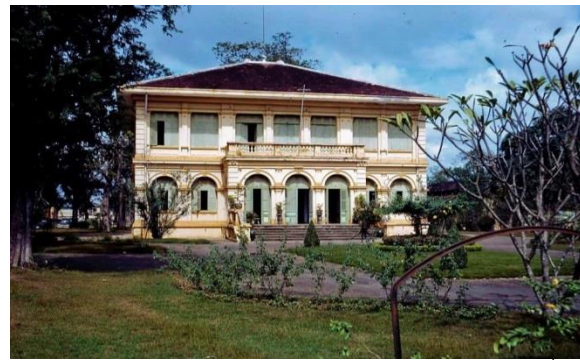
Hình 3: Bản đồ lãnh thổ Quân Đoàn IV trước năm 1975 (thuộc địa phận miền Tây Nam Kỳ Lục Tỉnh Xưa), nguồn Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



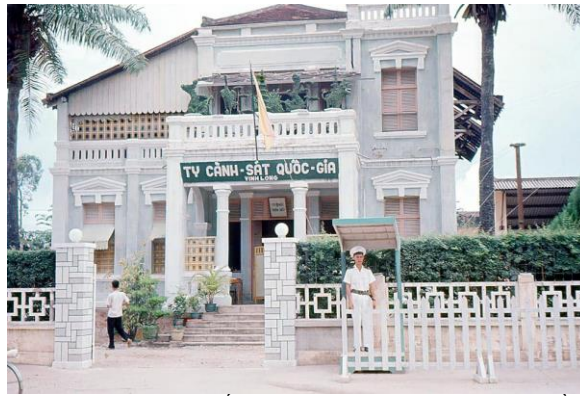
Hình 4: Trại Lê Lợi thuộc Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV-Quân Khu 4 của VNCH năm 1975, nguồn Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 5: Dinh Tỉnh Trưởng Vĩnh Long trước năm 1975 trên đường Phan Bội Châu, phía xa xa là Công Quán (Bungalow Vĩnh Long), nguồn Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 6: Dinh Tỉnh Trưởng Định Tường trước năm 1975, nguồn Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 7: Ty Cảnh Sát Quốc Gia Vĩnh Long trước năm 1975, nguồn Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 8: Toà Hành Chánh Cần Thơ năm 1970, nguồn Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 9: Dinh Tỉnh Trưởng Gò Công năm 1955, nguồn Công Báo VNCH 1955 (Administrative Bulletin of RVN 1955).



Hình 10: Dinh Tỉnh Trưởng Trà Vinh năm 1955, nguồn Công Báo VNCH 1955 (Administrative Bulletin of RVN 1955).



Hình 11: Sân đáp trực thăng tại Bộ Tư Lệnh sư đoàn 9 ở Sa Đéc năm 1973, nguồn Công Báo VNCH 1973 (Administrative Bulletin of RVN 1973).



Hình 12: Trường Trung Học Kiến Tường năm 1970, nguồn Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 13: Hình ảnh Phòng Thông Tin tỉnh Kiến Tường năm 1970, nguồn Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of RVN 1970).



Hình 14: Toàn Hành Chánh Cao Lãnh 1954, nguồn Công Báo VNCH 1954 (Administrative Bulletin of RVN 1954).



Hình 15: Trung tâm Thương Mại Long Xuyên năm 1960.



Hình 16: Bắc Vàm Cống năm 1960, nguồn Công Báo VNCH 1960 (Administrative Bulletin of RVN 1960).



Hình 17: Trại Linh Bến Lức năm 1967-1968, dọc theo Quốc Lộ 4, ảnh Dave Paine.



Hình 18: Toàn cảnh khu Quận Bến Lức chụp từ phi cơ trực thăng. Tương cũng nên nhắc lại, Bến Lức là quận được thành lập năm 1957, đây là quận được sáp nhập từ một phần quận Gò Đen và quận Thủ Thừa sau khi giải thể.



Hình 19: Một bên đầu cầu Bến Lức bị kẹt do cây cầu huyết mạch bị đặt mìn năm 1966, nguồn Công Báo VNCH 1966 (Administrative Bulletin of RVN 1966).



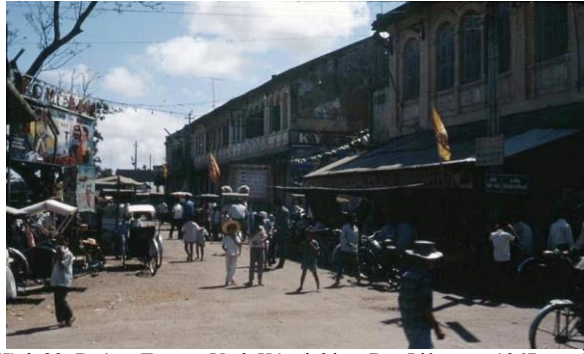
Hình 20: Ảnh Cầu Bến Lức Tân An năm 1966-1967, ảnh Tom Jackson.



Hình 21: Đường Hai Bà Trưng năm 1967 tỉnh Sóc Trăng, nguồn Công Báo VNCH 1967 (Administrative Bulletin of RVN 1967).



Hình 22: Phi trường Sóc Trăng đầu năm 1973, khi phi đoàn trực thăng 227 đang chuẩn bị dời về phi trường 31 ở Cần Thơ (còn gọi là phi trường Bình Thủy), nguồn Công Báo VNCH 1973 (Administrative Bulletin of RVN 1973).



Hình 23: Đường Trương Vĩnh Ký tại thị xã Bạc Liêu năm 1967, nguồn Công Báo VNCH 1967 (Administrative Bulletin of RVN 1967).



Hình 24: Đường Thái Lập Thành chạy dọc bờ phía bắc rạch Bạc Liêu năm 1967, nguồn Công Báo VNCH 1967 (Administrative Bulletin of RVN 1967).



Hình 25: Cổng vào Châu Thành Rạch Giá năm 1965, nguồn Công Báo VNCH 1965 (Administrative Bulletin of RVN 1965).



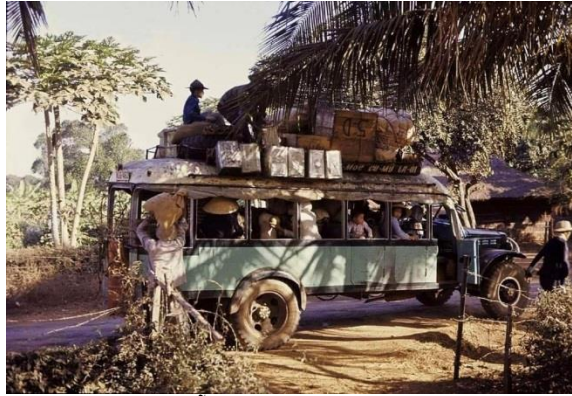
Hình 26: Xe đò Rạch Giá-Hà Tiên năm 1965, ảnh internet (Google).



Hình 27: Trường Trung Học Thủ Khoa Nghĩa Châu Đốc năm 1965, nguồn Công Báo VNCH 1965 (Administrative Bulletin of RVN 1965).



Hình 28: Đại lộ Chi Lăng tỉnh Gia Định năm 1961, nguồn Công Báo VNCH 1961 (Administrative Bulletin of RVN 1961).



Hình 29: Xe dò Phước Lễ (thị xã của tỉnh Phước Tuy)-La Gi năm 1960, nguồn Công Báo VNCH 1960 (Administrative Bulletin of RVN 1960).



Hình 30: Một cô thợ may miền Tây năm 1960, ảnh internet (Google).



Hình 31: Xe đồ Thuận Hiệp Mộc Hoá-Sài Gòn năm 1961, ảnh internet (Google).



Hình 32: Xe đồ Tân An-Bến Lức năm 1960, ảnh internet (Google).

VI

Nam Kỳ Lục Tỉnh Thời Cộng Sản

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, sau khi quân Cộng Sản Bắc Việt chiếm trọn miền Nam Việt Nam, nhà cầm quyền Cộng Sản thay đổi hoàn toàn hệ thống các tỉnh thành tại miền Nam, đặt hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận trực thuộc Nam Phần. Họ giữ lại tên của một số tỉnh thời Pháp Thuộc và Việt Nam Cộng Hòa, nhưng lại đặt thêm một số tên tỉnh mới bằng cách sáp nhập vài tỉnh lại với nhau. Rồi sau đó ít lâu, họ lại trả tên cũ về cho nhiều tỉnh tại miền Nam. Năm 1976, chánh quyền mới chia miền Nam Việt Nam ra làm thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn) và 12 tỉnh trong số 36 tỉnh thành trên toàn quốc. Đó là thành phố Hồ Chí Minh, và các tỉnh Sông Bé, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Cửu Long, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, và Minh Hải. Đến năm 1979, chánh quyền mới cho thành lập Đặc Khu Vũng Tàu-Côn Đảo, tương đương với cấp tỉnh. Năm 1991, tỉnh Cửu Long lại bị tách làm hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh như cũ, và đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo trở thành tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Năm 1997, tỉnh Sông Bé được tách ra làm 2 tỉnh Bình Dương và Bình Phước; tỉnh Hậu Giang được tách trở lại làm 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng; tỉnh Minh Hải được tách trở lại làm 2 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu. Đến năm 2004, thành phố Cần Thơ được tách ra khỏi tỉnh Hậu Giang.

Hiện tại, về vị trí thì miền Nam giáp với các tỉnh Đắc Nông và Lâm Đồng của vùng Tây Nguyên, và Bình Thuận của Trung Phần. Theo Bản Đồ Hành Chánh năm 2007, nếu không kể hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận thì Nam Kỳ gồm 17 tỉnh và hai thành phố. Tuy nhiên, theo tài liệu của Tổng Cục Thống Kê Việt Nam và một số tài liệu khác lại xếp 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận vào Miền Đông Nam Phần. Riêng trong địa phận vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh Xưa, có 2 thành phố và 17 tỉnh bao gồm:

(A) Hai Thành Phố:

- 1) Thành phố Sài Gòn (HCM), gồm 12 quận nội thành (từ quận 1 đến quận 12), và 7 quận ngoại thành (24).
- 2) Thành phố Cần Thơ, gồm 4 quận (25), và 4 huyện (26).

(B) 17 tỉnh:

- 1) Tỉnh Đồng Nai, gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, và 9 huyện (27).
- 2) Tỉnh Bình Phước, gồm thị xã Đồng Xoài và 7 huyện (28).
- 3) Tỉnh Tây Ninh, gồm thị xã Tây Ninh và 8 huyện (29).
- 4) Tỉnh Bình Dương, gồm thị xã Thủ Dầu Một và 6 huyện (30).

- 5) Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gồm 2 thị xã Bà Rịa và Vũng Tàu, và 6 huyện (31).
- 6) Tỉnh Long An, gồm thị xã Tân An, và 13 huyện (32).
- 7) Tỉnh Tiền Giang, gồm thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị trấn Chợ Gạo, và 6 huyện (33).
- 8) Tỉnh Bến Tre gồm thị xã Bến Tre và 7 huyện (34).
- 9) Tỉnh Trà Vinh gồm thị xã Trà Vinh và 7 huyện (35).
- 10) Tỉnh Vĩnh Long gồm thành phố Vĩnh Long và 6 huyện (36).
- 11) Tỉnh Đồng Tháp gồm 2 thị xã Cao Lãnh và Sa Đéc, và 8 huyện (37).
- 12) Tỉnh An Giang gồm thành phố Long Xuyên, thị xã Châu Đốc, và 9 huyện (38).
- 13) Tỉnh Hậu Giang gồm 2 thị xã Vị Thanh và Ngã Bảy (Phụng Hiệp), và 5 huyện (39).
- 14) Tỉnh Kiên Giang gồm thành phố Rạch Giá, thị xã Hà Tiên, và 10 huyện (40).
- 15) Tỉnh Sóc Trăng gồm thị xã Sóc Trăng và 8 huyện (41).
- 16) Tỉnh Bạc Liêu gồm thị xã Bạc Liêu và 6 huyện (42).
- 17) Tỉnh Cà Mau gồm thành phố Cà Mau và 7 huyện (43).

Chú Thích:

- (24) Đó là các quận Bình Thạnh, Gò Vấp, Tân Bình, Phú Nhuận, Tân Phú, Thủ Đức và Bình Tân.
- (25) Đó là các quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Cái Răng.
- (26) Đó là các huyện Thốt Nốt, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Phong Điền.
- (27) Đó là các huyện Tân Phú, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, và Xuân Lộc.
- (28) Đó là các huyện Phước Long, Bình Long, Lộc Ninh, Chơn Thành, Đồng Phú, Bù Đăng, Bù Đốp.
- (29) Đó là các huyện Châu Thành, Tân Biên, Tân Châu, Trảng Bàng, Dương Minh Châu, Gò Dầu, Hòa Thành, và Bến Cầu.
- (30) Đó là các huyện Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bến Cát, Tân Uyên, Dĩ An, và Thuận An.
- (31) Đó là các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc, Đất Đỏ, Long Điền, Tân Thành, và Côn Đảo.
- (32) Đó là các huyện Châu Thành, Bến Lức, Thủ Thừa, Tân Trụ, Cần Đức, Cần Giuộc, Tân Hưng, Thạnh Hóa, Tân Thạnh, Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Đức Hòa, Đức Huệ.
- (33) Đó là các huyện Châu Thành, Cái Bè, Cai Lậy, Gò Đông Đông, Gò Công Tây, và Tân Phước.
- (34) Đó là các huyện Châu Thành, Chợ Lách, Mỏ Cày, Bình Đại, Ba Tri, Giồng Chôm, và Thạnh Phú.

- (35) Đó là các huyện Châu Thành, Càng Long, Tiểu Cần, Cầu Kè, Trà Cú, Cầu Ngang và Duyên Hải.
- (36) Đó là các huyện Long Hồ, Bình Minh, Vũng Liêm, Mang Thít, Tam Bình và Trà Ôn.
- (37) Đó là các huyện Châu Thành, Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười, Thanh Bình, Lấp Vò và Lai Vung.
- (38) Đó là các huyện Châu Thành, Tân Châu, Phú Tân, An Phú, Châu Phú, Tri Tôn, Tịnh Biên, Chợ Mới và Thoại Sơn.
- (39) Đó là các huyện Châu Thành, Châu Thành A, Phụng Hiệp, Vị Thủy, và Long Mỹ.
- (40) Đó là các huyện Châu Thành, Hòn Đất, Tân Hiệp, Kiên Lương, Giồng Riềng, An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận, Phú Quốc, và Kiên Hải gồm các đảo nam Du và hòn Tre.
- (41) Đó là các huyện Kế Sách, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Cù Lao Dung, Long Phú, Thanh Tri, Vĩnh Châu và Ngã Năm.
- (42) Đó là các huyện Vĩnh Lợi, Giá Rai, Hồng Dân, Phước Long, Đông Hải và Hòa Bình.
- (43) Đó là các huyện U Minh, Trần văn Thời, Thới Bình, Cái Nước, Đầm Dơi, Ngọc Hiển, và Phú Tân.

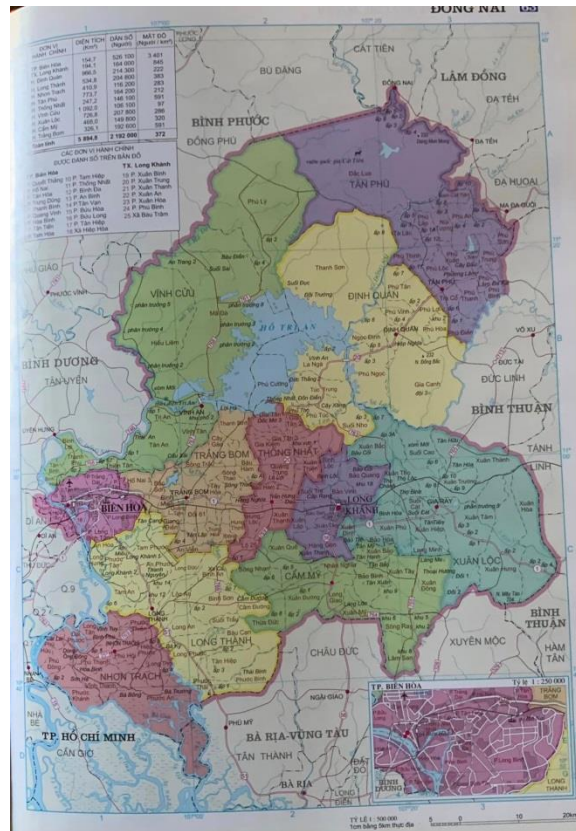
Tài Liệu Tham Khảo:

Tập Bản Đồ Hành Chánh Việt Nam năm 2019.

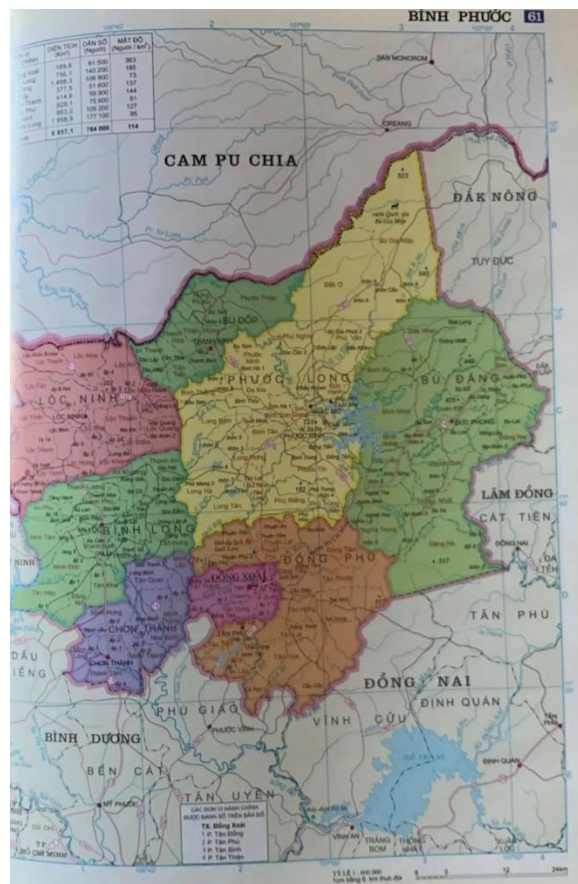
Hình 1: Bản đồ Sài Gòn Gia Định (bây giờ nhà cầm quyền CS đổi là TP HCM, gồm 12 quận nội thành, từ quận 1 đến quận 12, và 7 quận ngoại thành: đó là các quận Bình Thạnh, Gò Vấp, Tân Bình, Phú Nhuận, Tân Phú, Thủ Đức và Bình Tân, nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019.



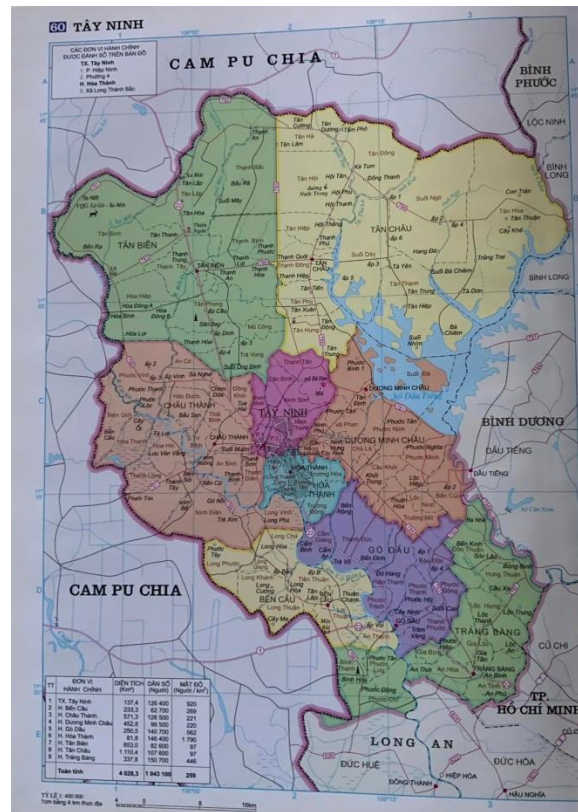
Hình 2: Bản đồ tỉnh Bình Dương, gồm thị xã Thủ Dầu Một và 6 huyện: Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bến Cát, Tân Uyên, Dĩ An, và Thuận An, nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019.



Hình 3: Bản đồ tỉnh Đồng Nai, gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, và 9 huyện: Tân Phú, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, và Xuân Lộc (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



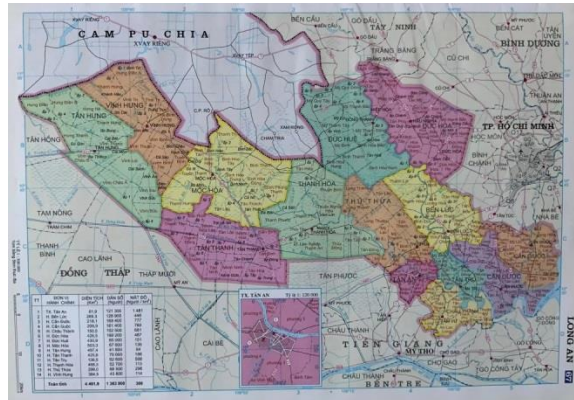
Hình 4: Bản đồ tỉnh Bình Phước, gồm thị xã Đồng Xoài và 7 huyện: Phước Long, Bình Long, Lộc Ninh, Chơn Thành, Đồng Phú, Bù Đăng, Bù Đốp (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



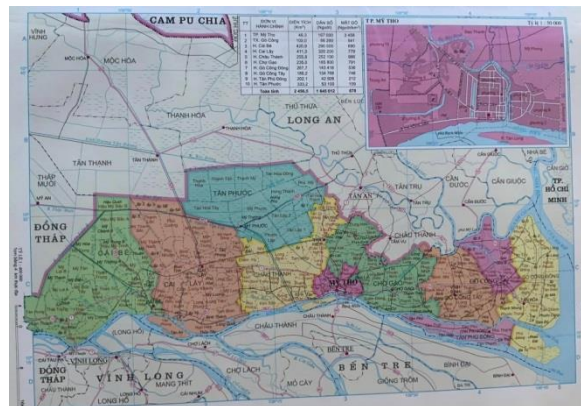
Hình 5: Bản đồ tỉnh Tây Ninh, gồm thị xã Tây Ninh và 8 huyện: Châu Thành, Tân Biên, Tân Châu, Trảng Bàng, Dương Minh Châu, Gò Dầu, Hòa Thành, và Bến Cầu (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



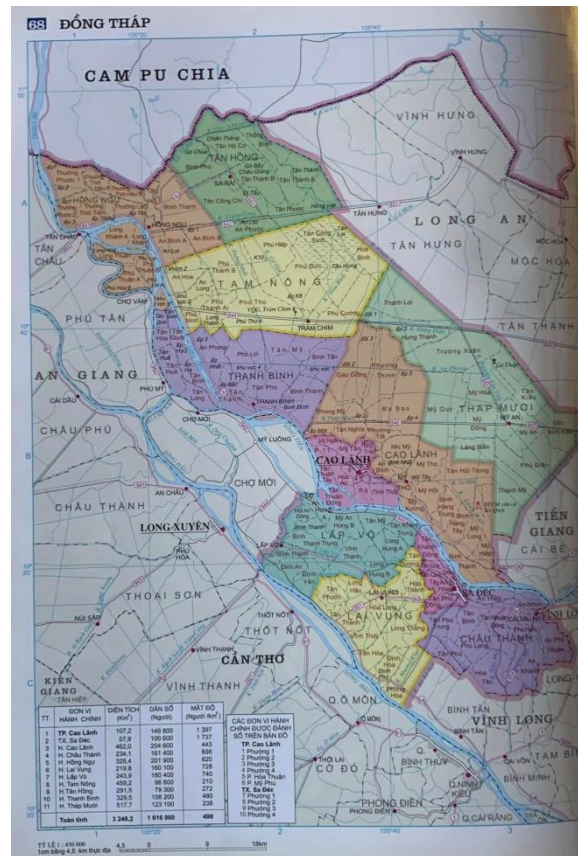
Hình 6: Bản đồ tỉnh Vũng Tàu-Bà Rịa, gồm 2 thị xã Bà Rịa và Vũng Tàu, và 6 huyện: Châu Đức, Xuyên Mộc, Đất Đỏ, Long Điền, Tân Thành, và Côn Đảo (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



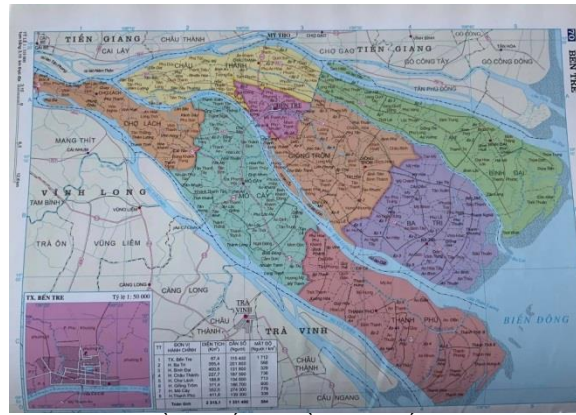
Hình 7: Bản đồ tỉnh Long An, gồm thị xã Tân An, và 13 huyện: Châu Thành, Bến Lức, Thủ Thừa, Tân Trụ, Cần Đước, Cần Giuộc, Tân Hưng, Thanh Hóa, Tân Thạnh, Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Đức Hòa, Đức Huệ (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



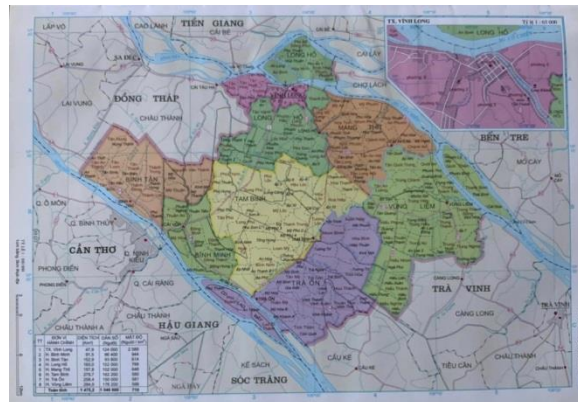
Hình 8: Bản đồ tỉnh Tiền Giang, gồm thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị trấn Chợ Gạo, và 6 huyện: Châu Thành, Cái Bè, Cai Lậy, Gò Đông Đông, Gò Công Tây, và Tân Phước (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



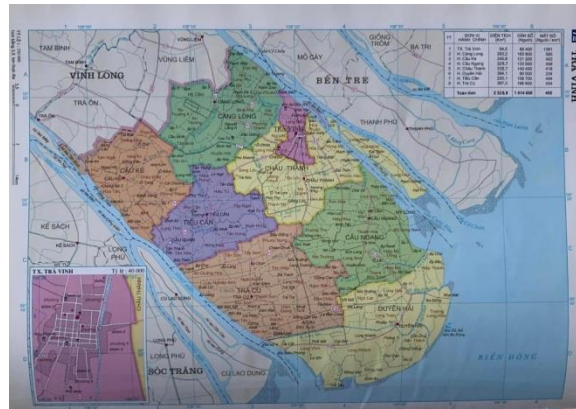
Hình 9: Bản đồ tỉnh Đồng Tháp, gồm 2 thị xã Cao Lãnh và Sa Đéc, và 8 huyện: Châu Thành, Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười, Thanh Bình, Lai Vung và Lai Vung (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



Hình 10: Bản đồ tỉnh Bến Tre, gồm thị xã Bến Tre và 7 huyện: Châu Thành, Chợ Lách, Mỏ Cày, Bình Đại, Ba Tri, Giồng Trôm, và Thạnh Phú (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



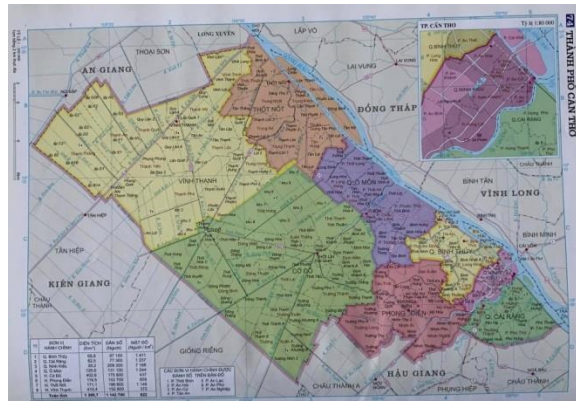
Hình 11: Bản đồ tỉnh Vĩnh Long, gồm thành phố Vĩnh Long và 6 huyện: Long Hồ, Bình Minh, Vũng Liêm, Mang Thít, Tam Bình và Trà Ôn (Rất có thể bây giờ thực xã Bình Minh đã trở thành thành phố (?).
Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019.



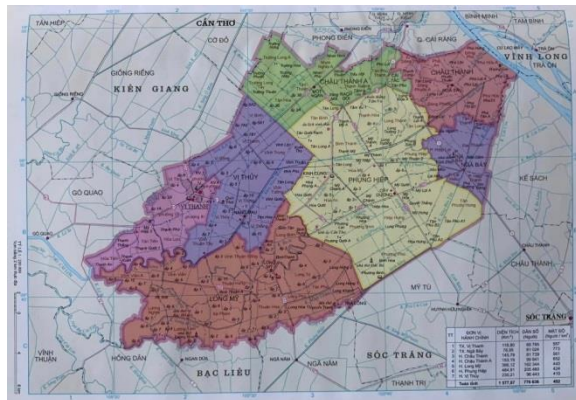
Hình 12: Bản đồ tỉnh Trà Vinh, gồm thị xã Trà Vinh và 7 huyện: Châu Thành, Càng Long, Tiểu Cần, Cầu Kè, Trà Cú, Cầu Ngang và Duyên Hải (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



Hình 13: Bản đồ tỉnh An Giang, gồm thành phố Long Xuyên, thị xã Châu Đốc, và 9 huyện: Châu Thành, Tân Châu, Phú Tân, An Phú, Châu Phú, Tri Tôn, Tịnh Biên, Chợ Mới và Thoại Sơn (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



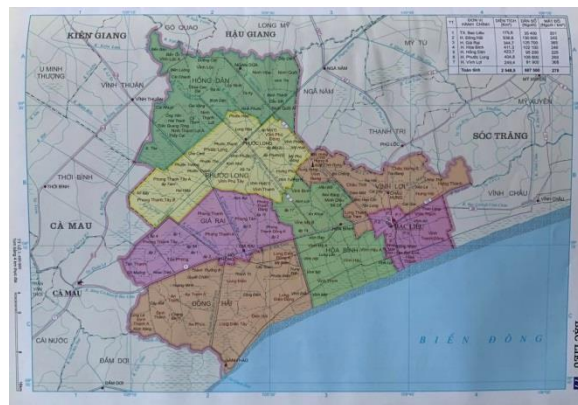
Hình 14: Bản đồ tỉnh Thanh Phố Cần Thơ, gồm 4 quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Cái Răng, và 4 huyện: Thốt Nốt, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Phong Điền (nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



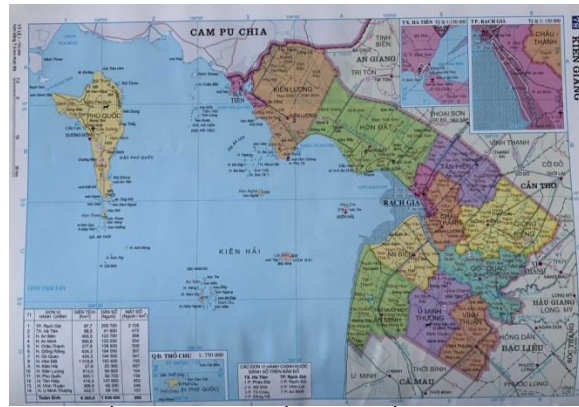
Hình 15: Bản đồ tỉnh Hậu Giang, gồm 2 thị xã Vị Thanh và Ngã Bảy (Phụng Hiệp), và 5 huyện: Châu Thành, Châu Thành A, Phụng Hiệp, Vị Thủy, và Long Mỹ (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



Hình 16: Bản đồ tỉnh Sóc Trăng, gồm thị xã Sóc Trăng và 8 huyện: Kế Sách, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Cù Lao Dung, Long Phú, Thạnh Trị, Vĩnh Châu và Ngã Năm (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



Hình 17: Bản đồ tỉnh Bạc Liêu, gồm thị xã Bạc Liêu và 6 huyện: Vĩnh Lợi, Giá Rai, Hồng Dân, Phước Long, Đông Hải và Hòa Bình (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



Hình 18: Bản đồ tỉnh Kiên Giang, gồm thành phố Rạch Giá, thị xã Hà Tiên, và 10 huyện: Châu Thành, Hòn Đất, Tân Hiệp, Kiên Lương, Giồng Riềng, An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận, Phú Quốc, và Kiên Hải gồm các đảo Nam Du và hòn Tre (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).



Hình 19: Bản đồ tỉnh Cà Mau, gồm thành phố Cà Mau và 7 huyện: U Minh, Trần văn Thời, Thới Bình, Cái Nước, Đầm Dơi, Ngọc Hiển, và Phú Tân (Nguồn Tập Bản Đồ Hành Chính VN năm 2019).

Tài Liệu Tham Khảo:

- 1) Công Báo Nam Kỳ 1862-1954 (Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1954).
- 2) Công Báo Việt Nam Cộng Hoà 1954-1975 (Administrative Bulletin of Republic of Vietnam 1954-1975).
- 3) Lịch Sử Dân Tộc Việt Nam, G.S. Phạm Cao Dương, California, USA, NXB Truyền Thống, 1987.
- 4) Xứ Đàng Trong, Li Tana, NXB Trẻ, TPHCM, 1999.
- 5) Nam Kỳ Thời Nhà Nguyễn Vào Thế Kỷ 17-18 Li Tana, 2000.
- 6) Việt Sử Xứ Đàng Trong, Phan Khoang , NXB Văn Học, TPHCM, 2000
- 7) Nghiên Cứu Về Việt Nam Trước Công Nguyên, Trần Quang Trân, TPHCM: NXB Thanh Niên 2001.
- 8) Văn Hóa Nam Chiếu Đại Lý, Chiêm Toàn Hữu, NXB Văn Hóa Thông Tin, TPHCM, 2004.
- 9) Đất Nước Việt Nam Qua Các Đời, Đào Duy Anh, NXB Văn Hóa Thông Tin, 2005
- 10) Câu Chuyện Việt Sử, Trần Gia Phụng, Trần Gia Phụng California, USA. NXB Văn Mới, 2005.
- 11) Cổ Sử Việt Nam-Một Cách Tiếp Cận Vấn Đề, Trương Thái Du trong, TPHCM: NXB Lao Động, 2007.
- 12) Việt Nam Thời Tây Sơn Lịch Sử Nội Chiến 1771-1802, Tạ Chí Đại Trường, TPHCM, 2007.
- 13) Lịch Sử Việt Nam, Tập I, Đào Tố Uyên-Phan Ngọc Huyền-Nguyễn thị Thu Thủy-Nguyễn Thu Hiền, NXB Trẻ, TPHCM, 2008.

